

NỀN TẢNG TRIẾT HỌC CỦA PHONG THUYẾT ĐÔNG Á



GV: TRẦN LONG

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tả Ao. ***Tả Ao địa lí toàn thư*** (Cao Trung biên dịch). Nxb. Đà Nẵng, 2011
2. Nguyễn Phương và DSC, ***Bách khoa văn hoá phong thủy - Bí ẩn thời vận***. Nxb. Lao động, 2010
3. Ngô Nguyên Phi, ***Phong thủy & phong thủy Việt Nam dưới góc độ khoa học***. Nxb. Văn hoá Thông tin, 2002
4. Lê Văn Quán, ***Chu Dịch vũ trụ quan***. Nxb. Giáo Dục, 1995
5. Dương Minh Dũng, Lê Anh Minh, ***Lịch sử văn minh & các triều đại Trung Quốc***. Nxb, Tổng hợp Tp. HCM
6. Dương Minh Dũng, Lê Anh Minh, ***Kinh Dịch cấu hình tượng Trung Quốc***. Nxb. Khoa học Xã hội, 1999

VĂN HÓA PHONG THỦY - 400 ĐIỀU NÊN BIẾT

Điền Thời Vân



NGÔ NGUYỄN PHI

Nghiên cứu

Phong Thủy & PHONG THỦY VIỆT NAM

dưới góc độ khoa học

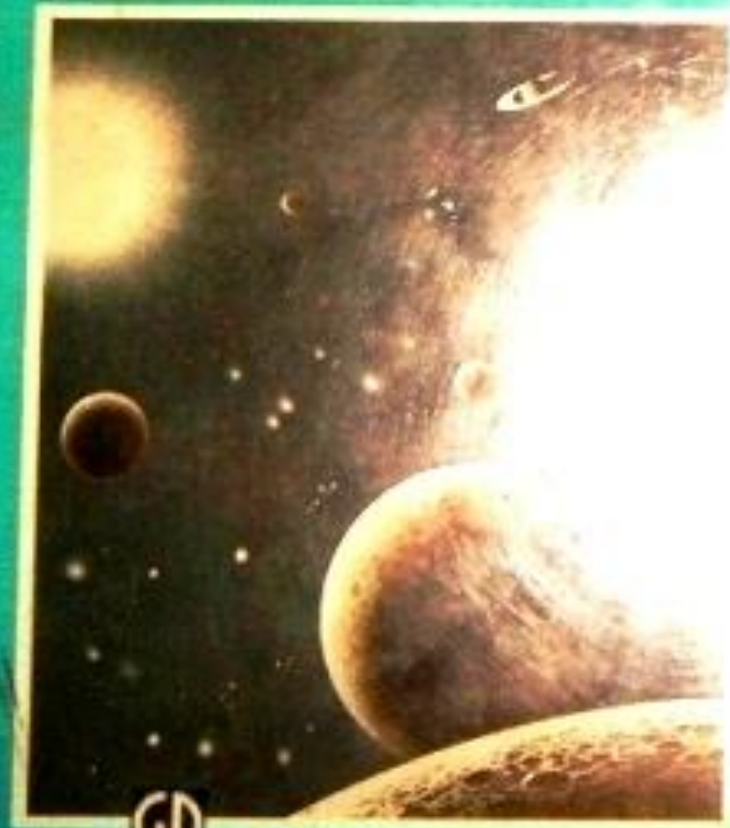


NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LÊ VĂN QUẢN

CHU DỊCH

Vũ trụ quan



Thiên Văn Học

CHU DỊCH DỰ ĐOÁN

Các ví dụ cụ thể

周易预测例题解

Sac
Thien
Dat
Mienh
Co
Bai
Thi



Sac
Thien
Dat
Mienh
Co
Bai
Thi



Lịch sử

VĂN MINH & CÁC TRIỀU ĐẠI TRUNG QUỐC

Bản dịch
của ĐƯƠNG NGỌC HỒNG
LÊ ANH MINH



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐƯƠNG NGỌC HỒNG
LÊ ANH MINH

Kinh Dịch

Cấu Hình Tư Tưởng TRUNG QUỐC

易經與中華思想的構型



易經與中華思想的構型



CHƯƠNG 1: CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. Mối quan hệ giữa triết học và văn hoá

1.1.1. Một số vấn đề về triết học, triết lý, văn hoá

- + *Triết lý là hoạt động tư duy*
 - + *Triết học : hệ thống quan điểm về thế giới, con người (nhân sinh quan và thế giới quan) qua các phạm trù*
 - + *Triết lý, triết học là sản phẩm văn hoá*
 - + *Văn hoá nhận thức là sản phẩm có tính triết học*
- ### 1.1.2. Phương pháp luận nghiên cứu triết học văn hoá
- + *Tư duy lịch sử, tư duy biện chứng, tư duy phát triển*
 - + *Bản chất triết học của văn hoá -> bản chất của văn hoá.*

1.2. Không gian Đông Á



1.3. Triết lý Âm Dương

1.3.1. Nguồn gốc triết lý Âm Dương

1.3.2. Bản chất triết lý Âm Dương

1.3.3. Hướng phát triển của triết lý Âm Dương

Sự hình thành triết lý Âm Dương

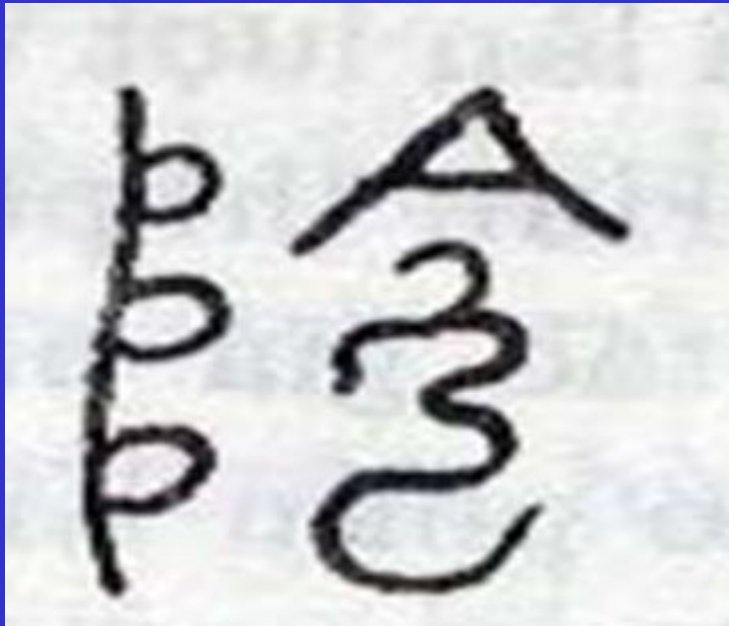
Quả đất quay -> hai thứ khí:

thứ khí có hơi ấm mặt trời (Dương)

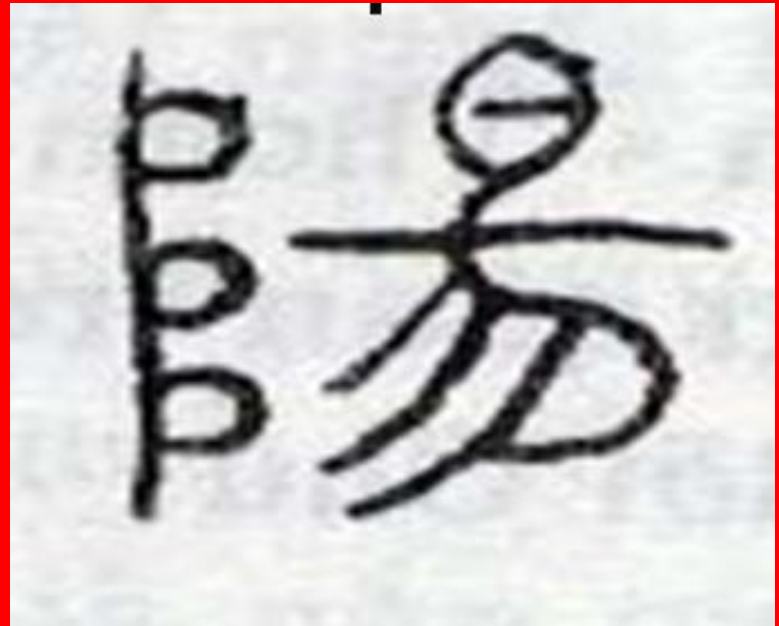
&

thứ khí không có hơi ấm mặt trời (Âm)

Âm



Dương



Âm Dương

Dương

Sáng

Nóng

Động (Phong)

Âm

Tối

Lạnh

Tĩnh (Thủy)

Bản chất triết lý Âm Dương **(Các nguyên lý của thuyết âm dương)**

Đối lập – Bình hành – Hỗ căn – Tiêu trưởng

Tỉ lệ, quan hệ thuộc tính âm dương

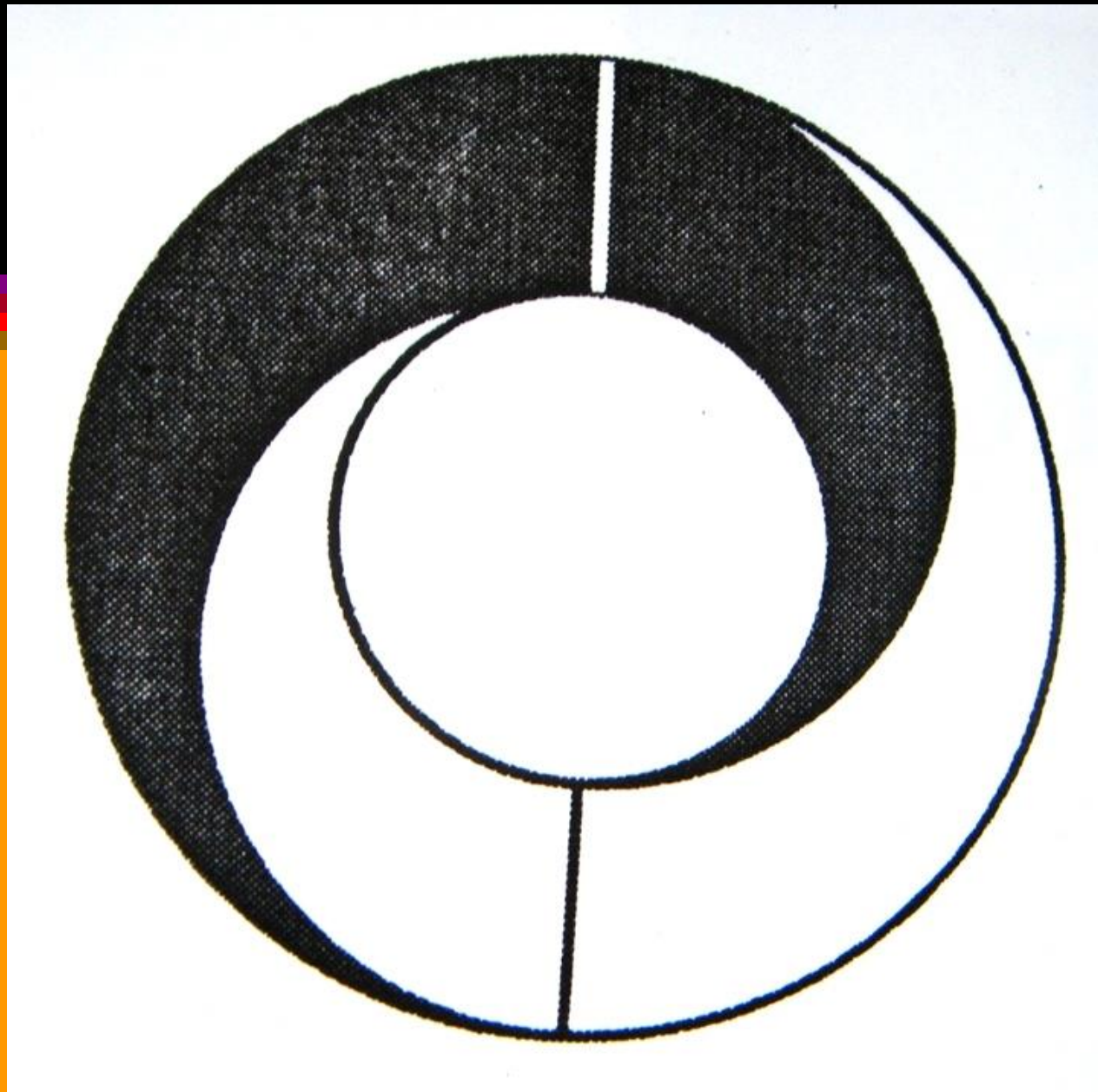
- Tỉ lệ giữa âm và dương là $3/2$, tạo động lực cho sự vận động và chuyển hoá trong các sự vật hiện tượng.
- Âm dương là hai mặt đối lập nhưng thống nhất, cùng tồn tại.
- Âm dương đối lập nhưng không triệt tiêu lẫn nhau, cùng chuyển hoá cho nhau theo hướng vận động trên thế luôn giữ cân bằng.
- Xác định thuộc tính âm dương của một sự vật hiện tượng phải dựa vào nguyên lý đối lập và thuộc tính từng mặt cụ thể của sự vật hiện tượng.

Biểu tượng Âm Dương

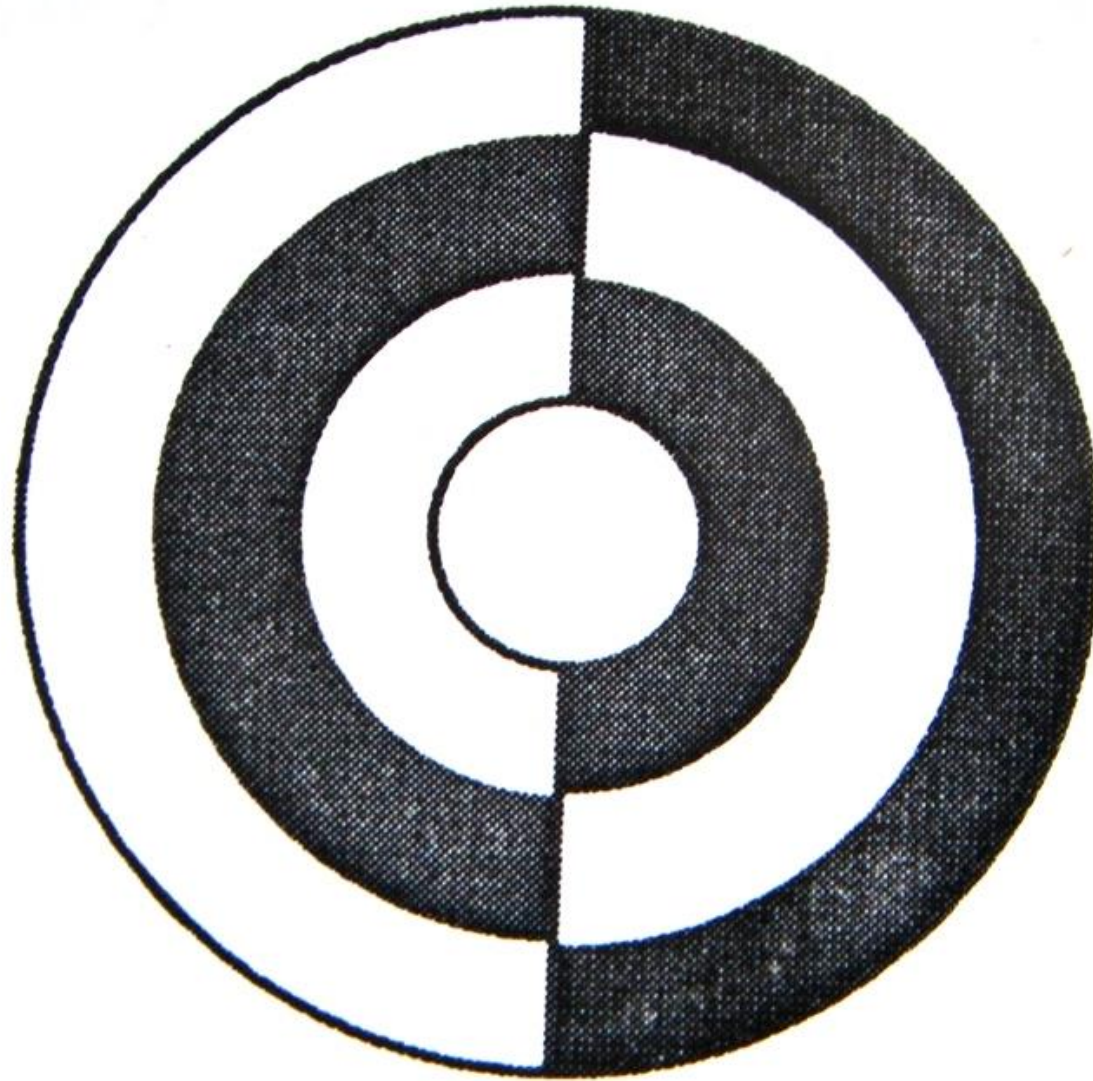
Màu sắc: Đen /trắng, Xanh/đỏ, ...

**Hình dạng: vuông/tròn, đứt/liền, đặc/rỗng, dầu
trừ/dầu cộng**

Đồ hình:



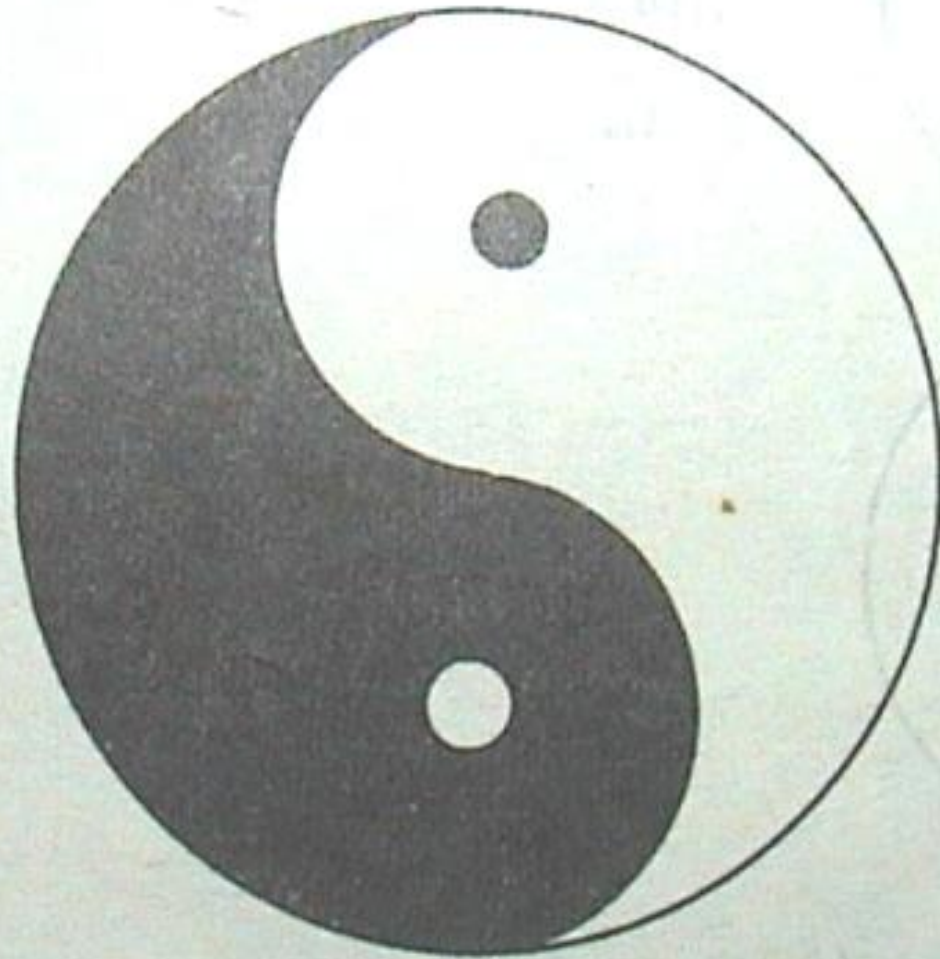
Hình thái cực cổ xưa nhất của Lai Trí Đức



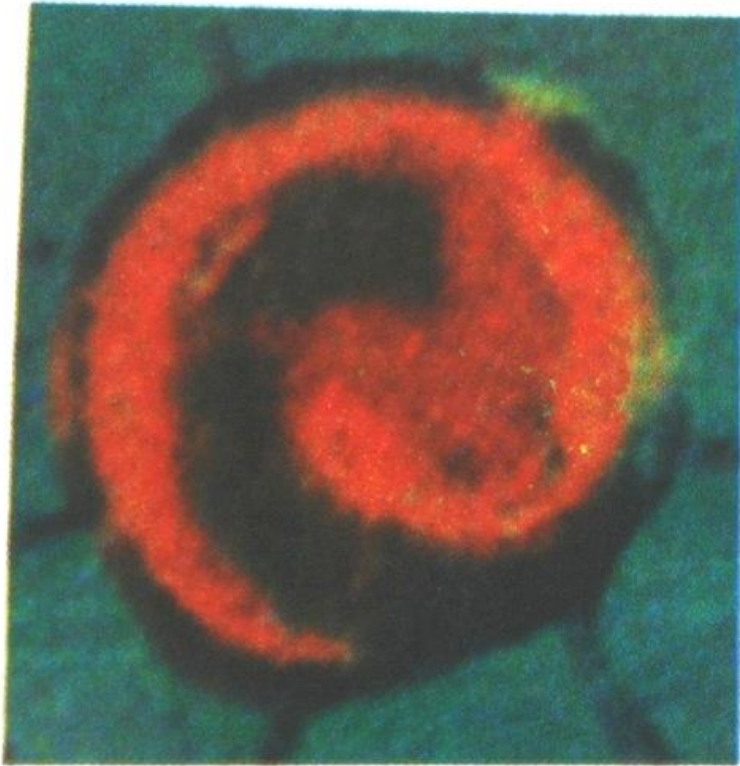
Hình thái cực của Chu Đôn Di



Hình thái cực đời Đường



Kiểu hình thái cực cận đại



*Hình Thái Cực
trong tranh dân gian Việt Nam*



*Hình Thái Cực phục chế
từ tranh dân gian Việt Nam*

**HƯỚNG PHÁT TRIỂN
VÀ
CÁC MÔ HÌNH TRONG TRIẾT LÝ ÂM DƯƠNG**

- **Hướng phát triển tam phân**

Hỗn mang -> Âm Dương -> Tam Tài -> Ngũ
Hành -> Vạn vật

Mô hình Tam Tài

Nguyên lý Âm Dương trong Tam Tài

Tam Tài

Thiên

|

Nhân

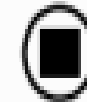
|

Địa

Nguyên lý Âm Dương



|



|

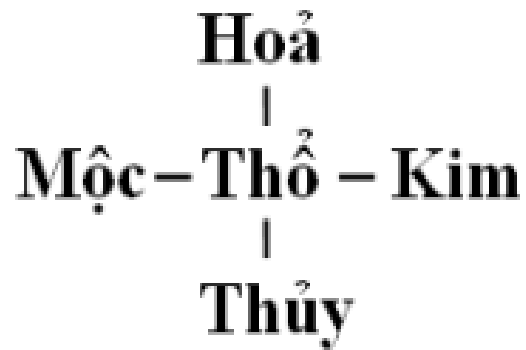


Âm Dương + Âm Dương = Tam Tài

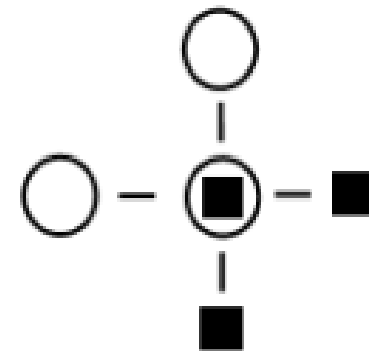
Mô hình Ngũ Hành

Nguyên lý Âm Dương trong Ngũ Hành

Ngũ Hành

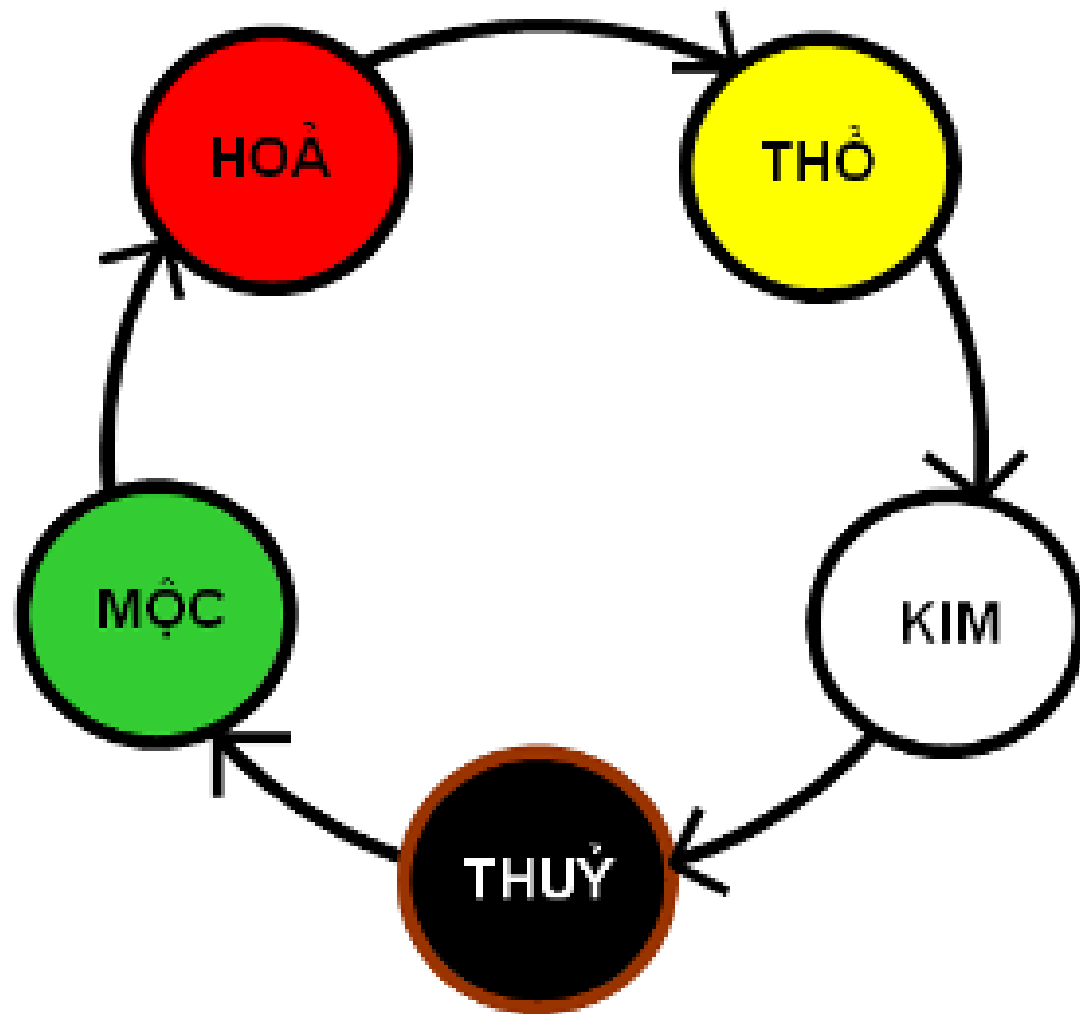


Nguyên lý Âm Dương

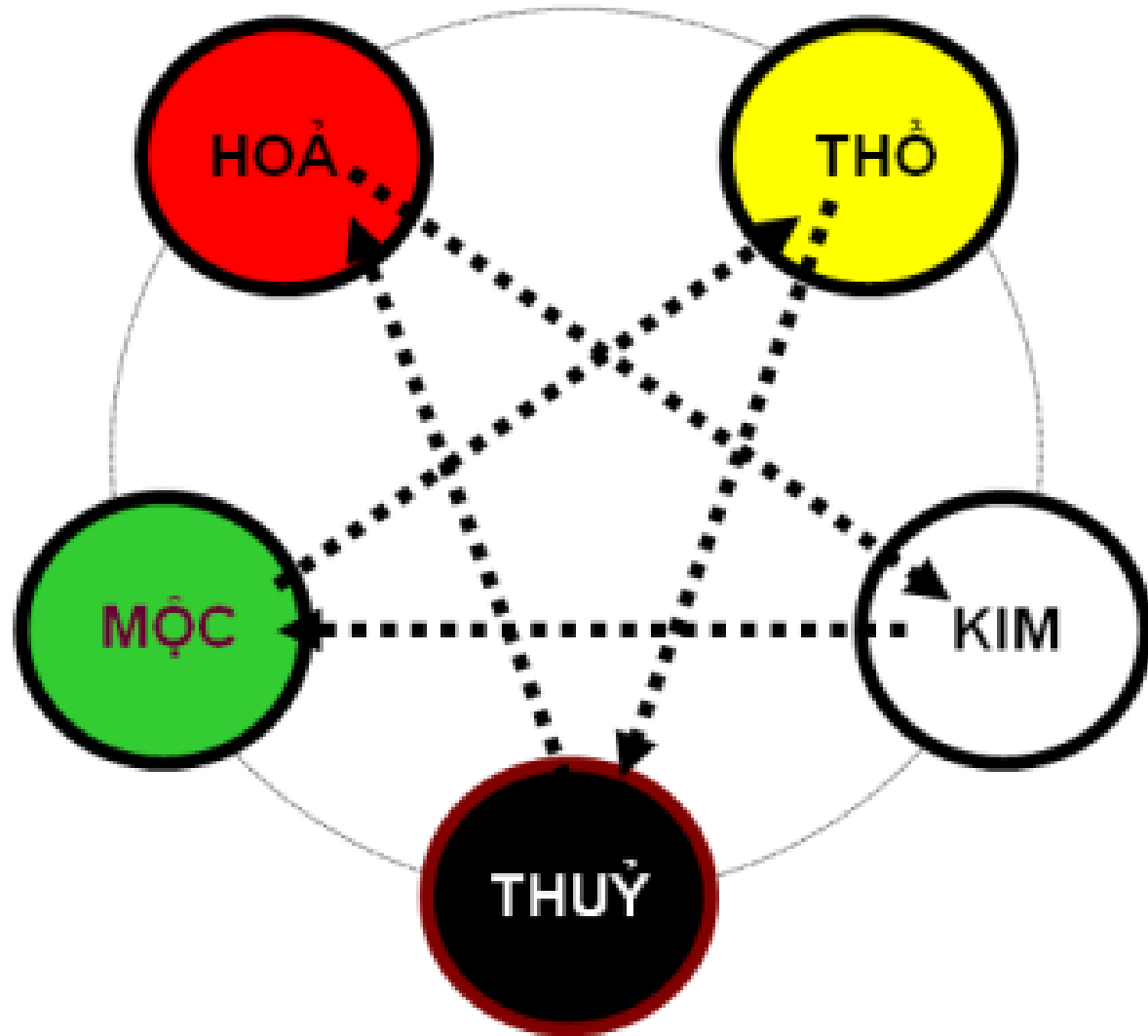


Tam Tài + Tam Tài = Ngũ Hành

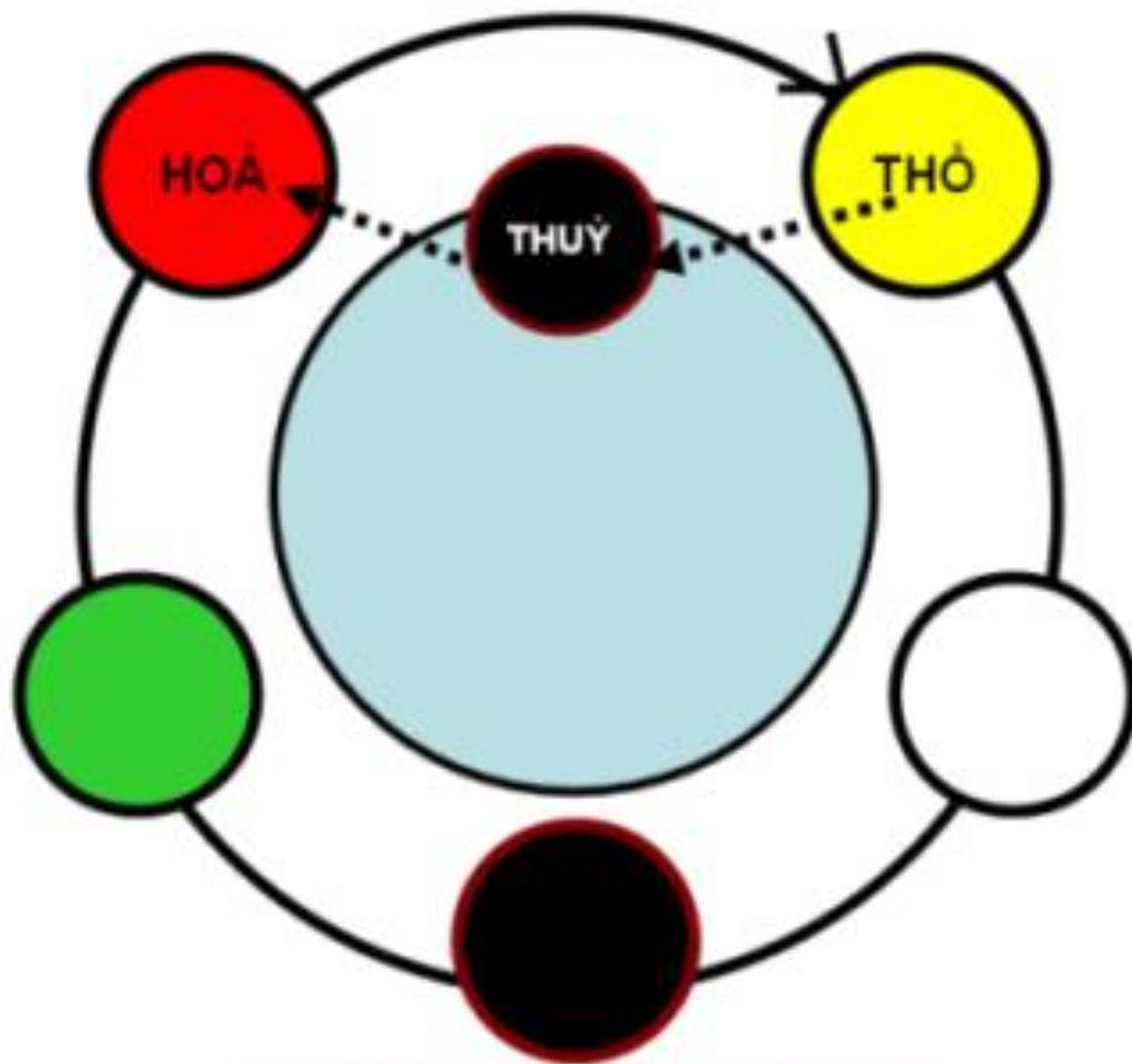
CÁC MỐI QUAN HỆ TRONG NGỮ HÀNH



NGŨ HÀNH TƯƠNG SINH



NGŨ HÀNH TƯƠNG KHẮC



QUAN HỆ CHẾ HOÁ

• Hướng phát triển lưỡng phân

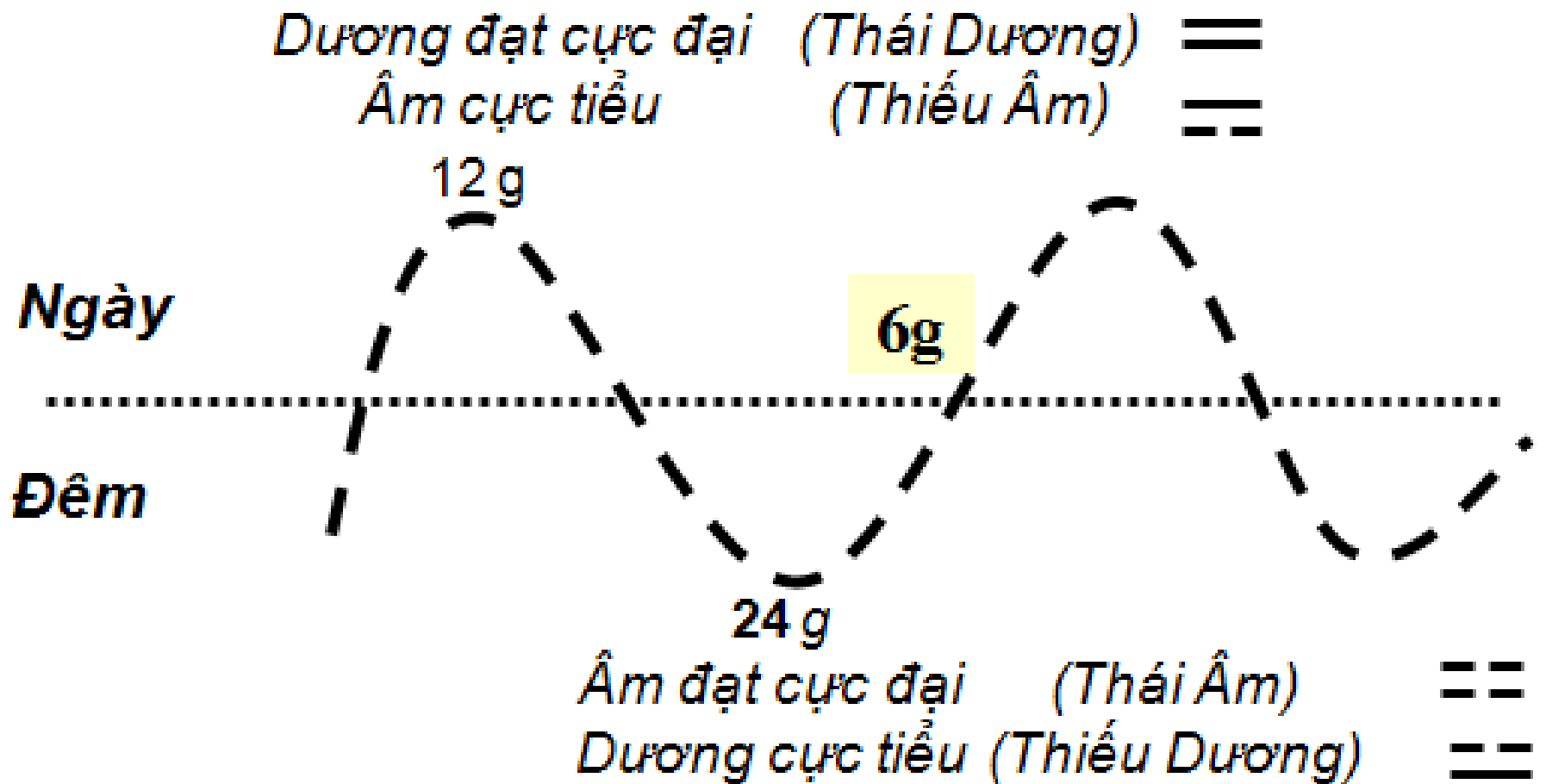
Hỗn mang -> Lưỡng nghi -> Tứ Tựợng -> Bát Quái
-> 64 quẻ -> 4384 hào -> Vạn vật

- Vô cực : Rộng lớn vô cùng, chưa phân âm dương
- Thái cực : Khoảng rộng lớn đã phân ra lưỡng nghi:
Âm (--) và Dương (—)
- Tứ tượng: Thái Dương (==), Thiếu Dương (==)
Thái Âm (==), Thiếu Âm (==)
- Bát Quái : Gồm 8 quẻ, mỗi quẻ có 3 hào:
Càn (≡), Tốn (≡), Khảm (≡), Cấn (≡),
Khôn (≡), Chấn (≡), Ly (≡), Đoài (≡).
- 64 quẻ kép, mỗi quẻ kép có 6 hào (64 quẻ Kinh Dịch)
- 64 quẻ x 6 hào = 384 hào phản ánh mọi sự việc, sự vật.

Mô hình Lượng nghi



Lưỡng nghi sinh Tứ tượng

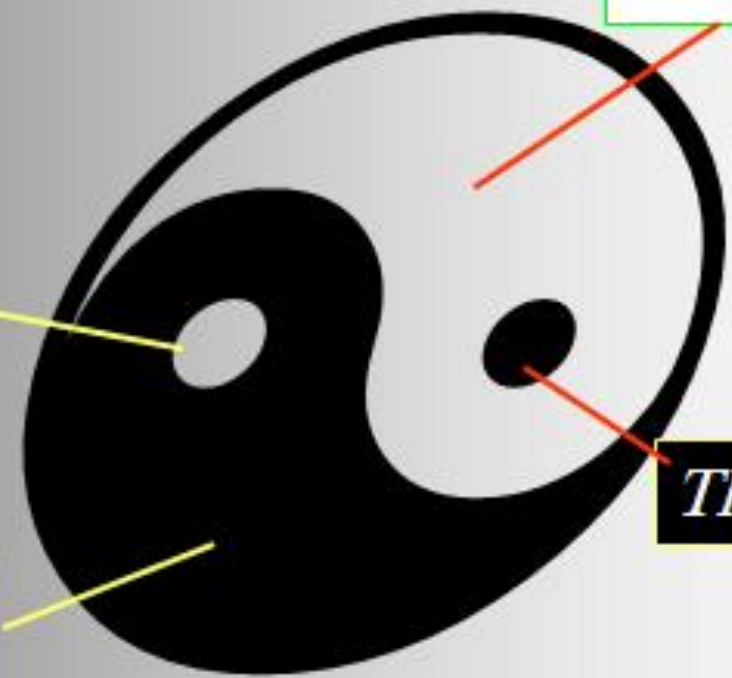


Thái dương ==

Thiếu dương ==

Thiếu âm ==

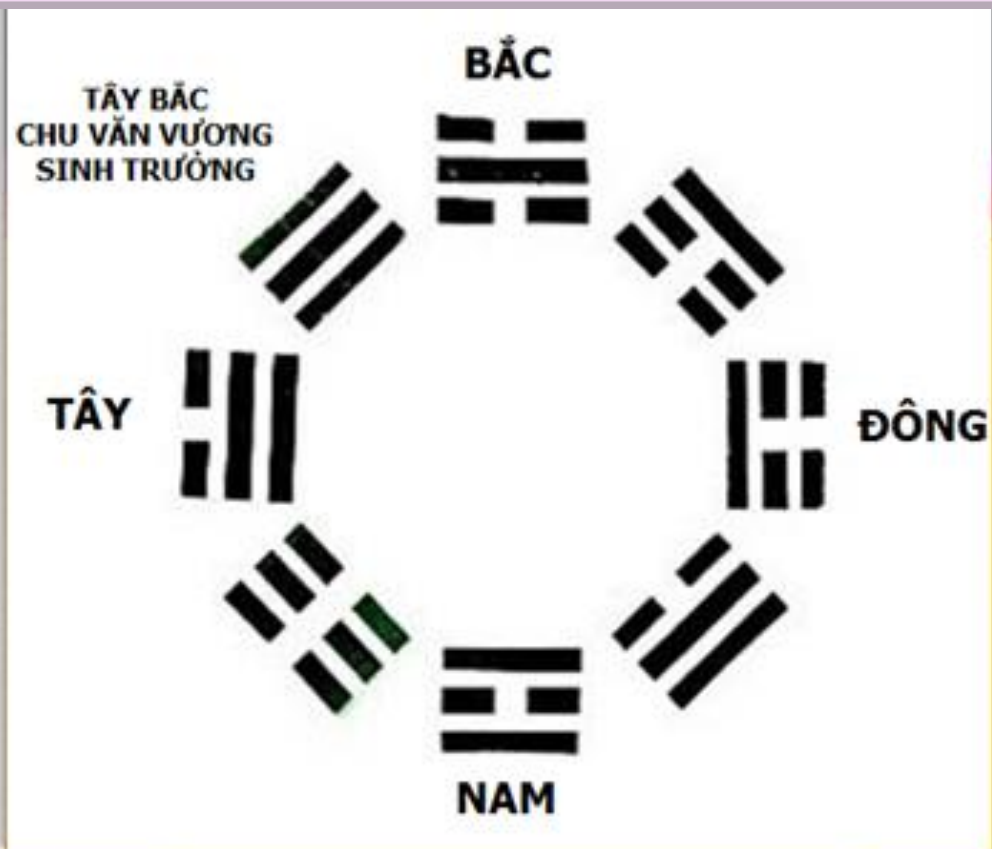
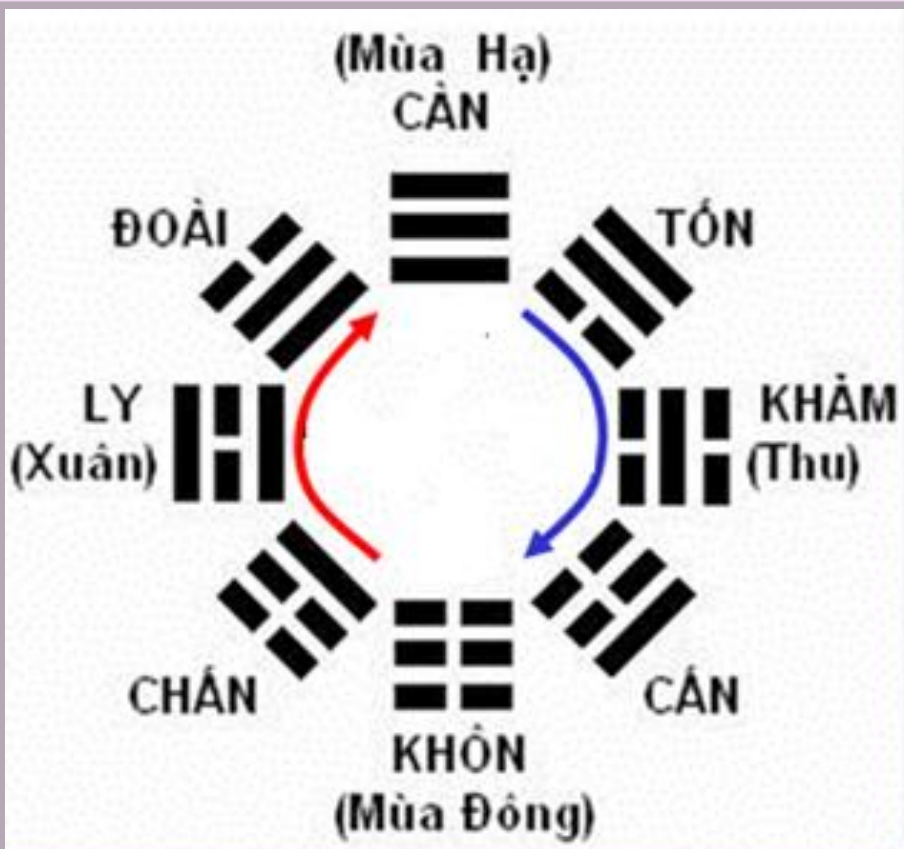
Thái âm ==



TỨ TƯỢNG SINH BÁT QUÁI

- Dương: quẻ CÀN hoàn toàn dương (mùa Hạ)
- Âm : Quẻ KHẢM hoàn toàn âm (mùa Đông)

Chuyển dịch từ Âm qua Dương trong năm -> Bát quái



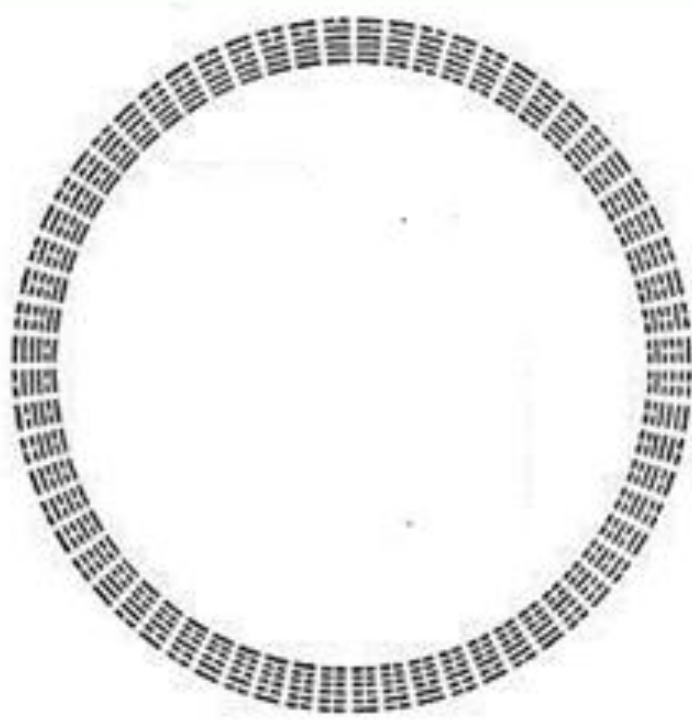
BÁT QUÁI TIÊN THIÊN

BÁT QUÁI HẬU THIÊN

BÁT QUÁI BIẾN HOÁ

- Bát Quái gồm 8 quẻ đơn (mỗi quẻ 6 hào)
- Kinh Dịch có 64 quẻ kép (mỗi quẻ 6 hào)

Quá trình chồng các quẻ đơn lên nhau theo thứ tự các quẻ trên Bát Quái ($8 \times 8 = 64$ quẻ kép) => Kinh Dịch



11	88	34	75	31	15	65	38
61	12	81	18	13	21	87	58
44	76	82	68	24	73	78	84
14	71	74	46	35	23	47	56
17	51	28	83	63	22	37	55
72	64	41	16	48	86	45	36
43	26	54	77	67	52	53	27
66	42	65	32	82	57	33	25
Càn	Khôn	Chấn	Khảm	Cấn	Tốn	Ly	Đoài

Bát Quái hình vành khăn

Bát Quái hình ô bàn cờ

1.4. Phong thủy Đông Á

1.4.1. Vấn đề tên gọi

1.4.2. Cơ sở lý luận

1.4.3. Tính khoa học của thuật phong thủy

Các yếu tố tự nhiên trong phong thủy

Gió

Nước

Yếu tố khác



GIÓ

- **Gió là gì?**
- **Phân biệt gió (phong) và khí (tiết khí)**
- **Vai trò/ tác động của gió và khí**

Lạnh

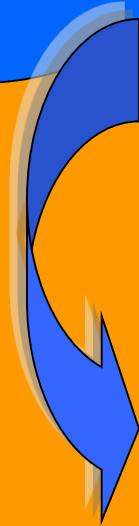
—

Nóng

+

**ÁP CAO
LẠNH**

GIÓ



**ÁP THẤP
NÓNG**



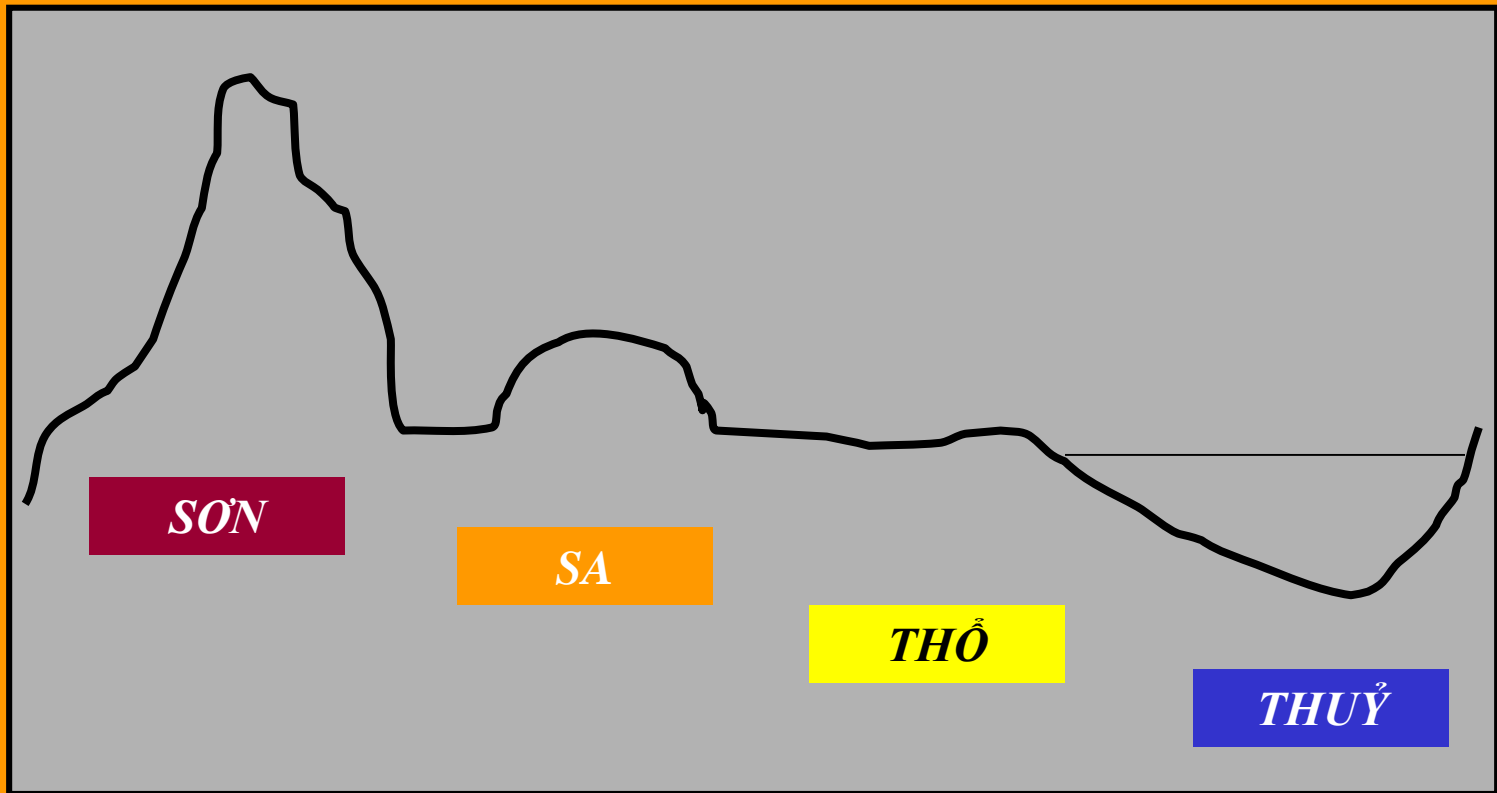
NƯỚC

- **Nước?**
- **Hội tụ nước + gió + ánh sáng ?**
- **Vai trò/ tác động của nước và hơi nước**

YẾU TỐ TỰ NHIÊN KHÁC

- Ánh sáng mặt trời mặt trăng (màu sắc/ âm dương khí)
- Đất (sinh/ dưỡng/ táng)
- Núi (sinh long mạch / chặn gió độc)
- Gò (gần: gối đầu/ gác tay, xa: che chắn ...)
- Thực vật (lọc không khí)
- Động vật
- Hồ ao
- Vật liệu mới

CÁC YẾU TỐ TẠO THỂ ĐẤT



Các yếu tố liên quan đến môi trường sống

1 Khí hậu

2 Địa hình

3 Động thực vật

4 Thiết kế công trình

5 Vật liệu xây dựng

6 Bài trí, trang trí nội thất

7 Bảo quản, duy trì, tôn tạo

8. Tiện nghi sinh hoạt

9. Nơi thờ tự...

CHƯƠNG 2: VĂN HOÁ NHẬN THỨC TRONG CÁC MÔ HÌNH TRIẾT HỌC ĐÔNG Á

2.1. Nhận thức thực nghiệm

2.1.1. Không gian vật lý trong Tam Tài

2.1.1. Không gian vật lý trong Ngũ Hành

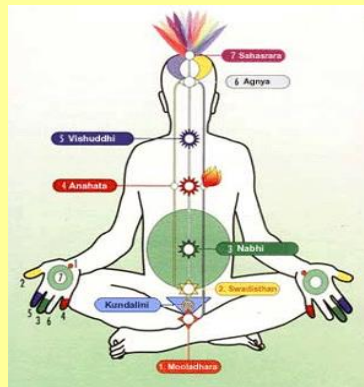
2.1.1. Không gian vật lý Bát Quái Tiên thiên

2.1.1. Không gian vật lý trong Hà Đồ

2.1.1. Không gian vật lý trong Lạc Thư

CƠ SỞ HÌNH THÀNH TAM TÀI

Trời



Người



Đất

① Nhận thức trực cao – sâu: Mô hình Tam Tài

Tam Tài

Nguyên lý Âm Dương

Trời



Người



Đất

Thiên



Nhân



Địa

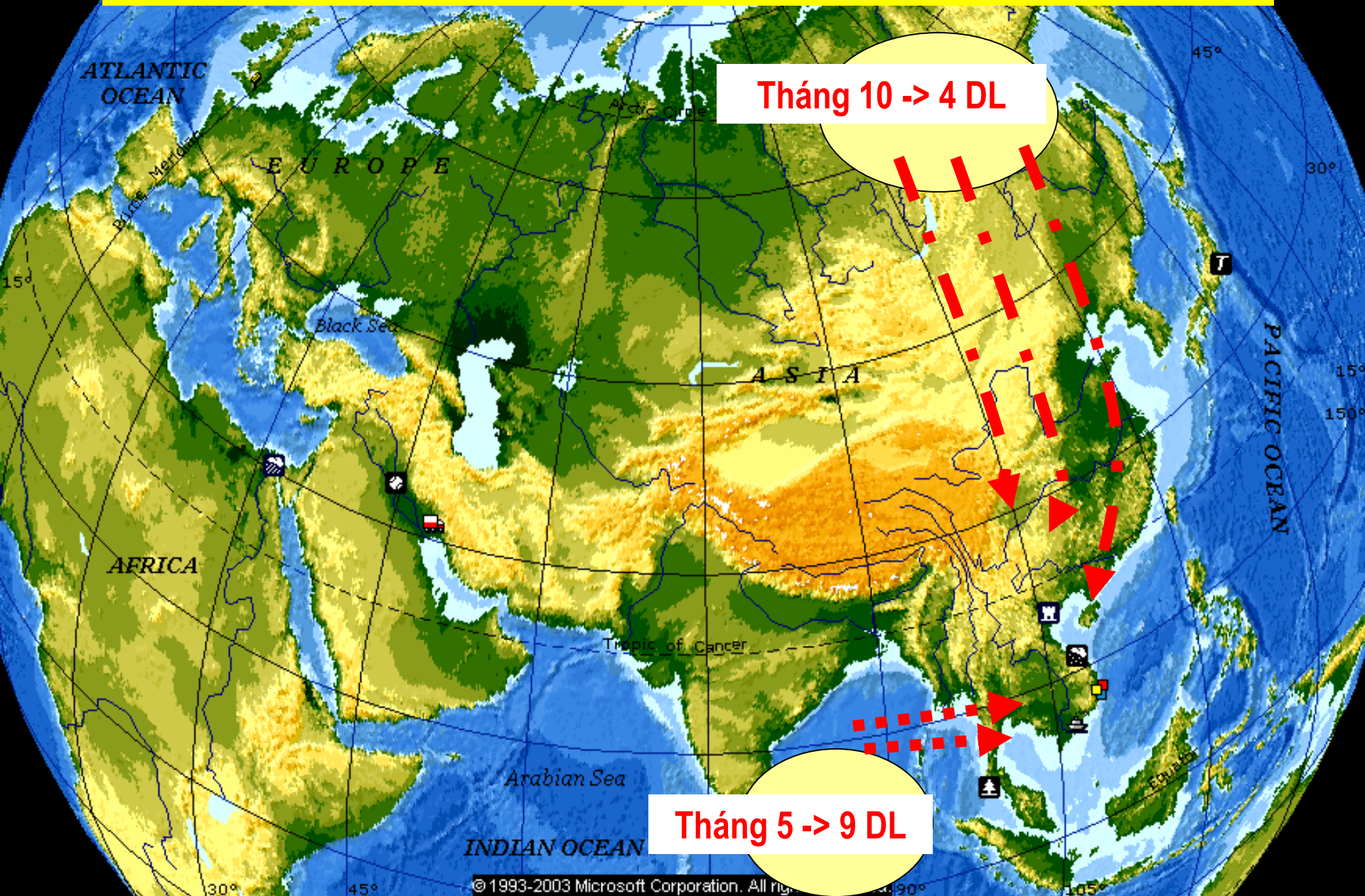


Con người đặt trong mối quan hệ giữa trời và đất, phía trên chịu tác động của trời, phía dưới chịu sự tác động của đất.

Đất -Trời -Người là ba nguyên lực của sự sống quả đất.

Từ nhận thức về tự nhiên, Tam Tài trở thành phép suy luận bộ ba có tính biện chứng : lửa - đất - nước, cha - mẹ - con, trên – giữa – dưới

CƠ SỞ HÌNH THÀNH NGŨ HÀNH

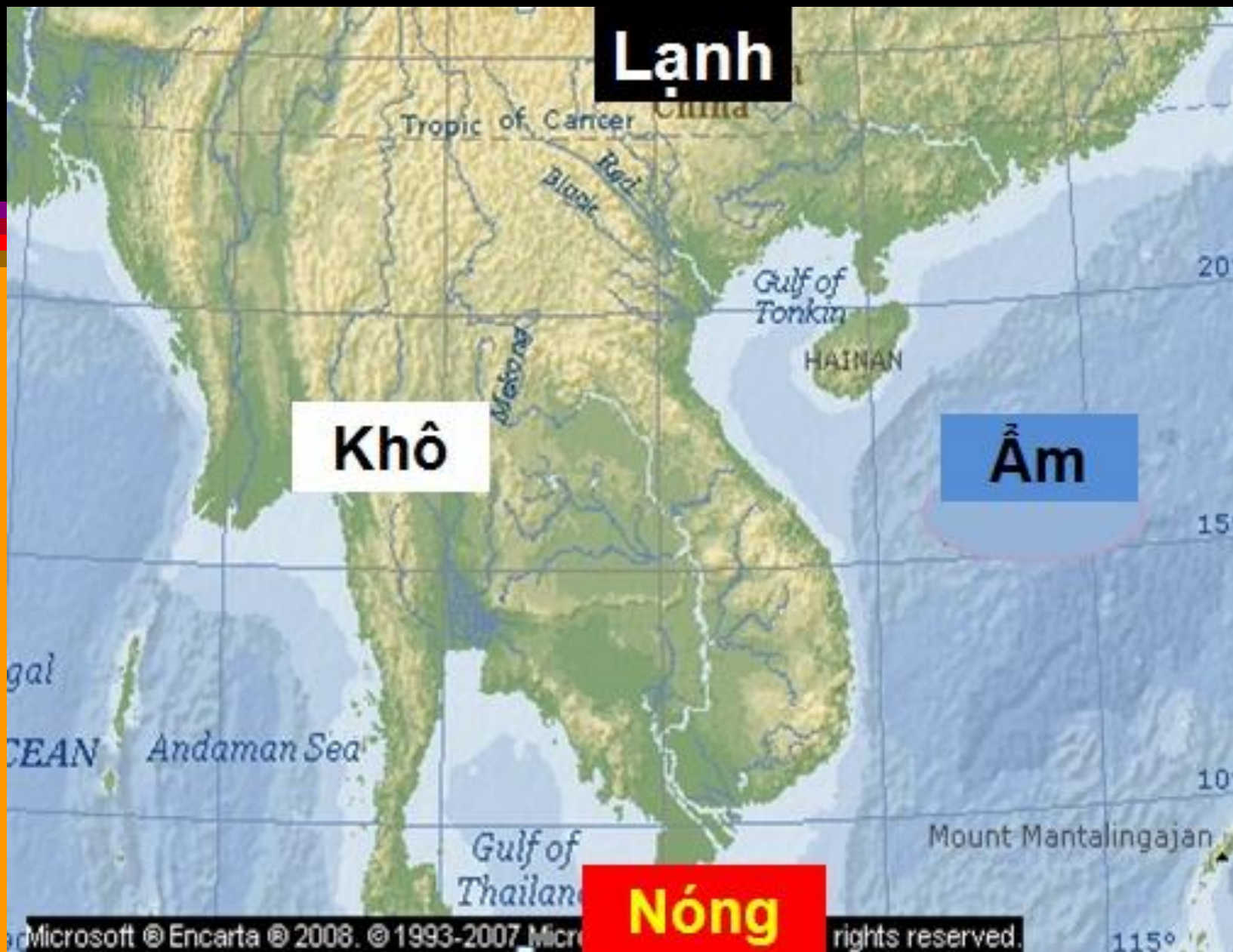


Lạnh

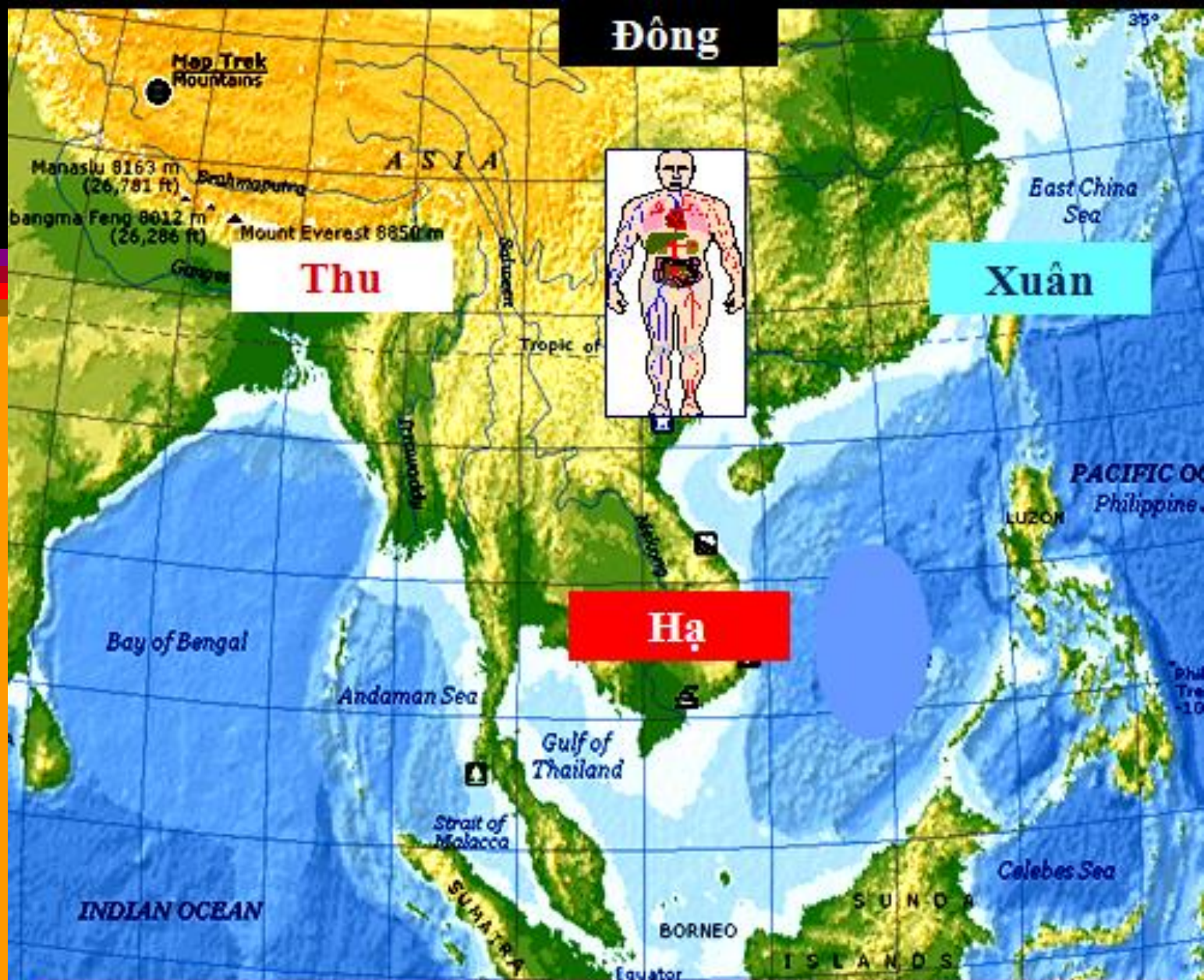
Khô

Ấm

Nóng



Đông



Nhận thức phương hướng của cư dân Nam Á



Thủy

Kim

Thở

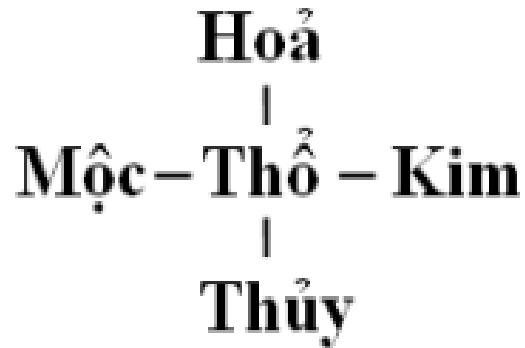
Mộc

Hoả

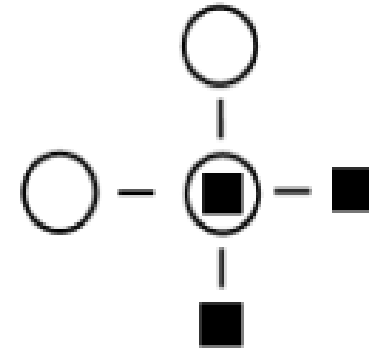
Ngũ Hành trong nhận thức cư dân Nam Á

② Nhận thức trực ngang - dọc: Mô hình Ngũ Hành

Ngũ Hành



Nguyên lý Âm Dương

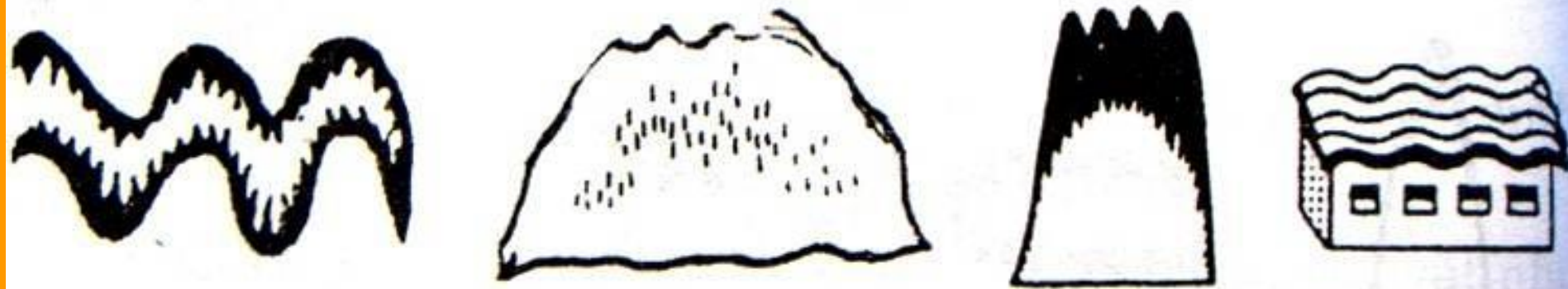


- * Hành là một khái niệm có tính khái quát cao. Mỗi hành là một chùm gồm các yếu tố, các chức năng có cùng bản chất Âm Dương, luôn vận động. Ngũ Hành, vì thế có sức giải thích rất lớn, nhất là giải thích tự nhiên theo trực ngang - dọc

Ngũ hành Cáclĩnh vực	Thuy	Mộc	Hoả	Thổ	Kim
Phương hướng	Bắc	Đông	Nam	Trung ương	Tây
Mùa	Đông	Xuân	Hạ	Tứ quý	Thu
Màu	Đen	Xanh	Đỏ	Vàng	Trắng
Hình dạng	Ngoắn ngoèo	Dài dài	Nhọn	Vuông	Tròn
Vật biểu	Rùa	Rồng	Chim	Người, khí	Hổ

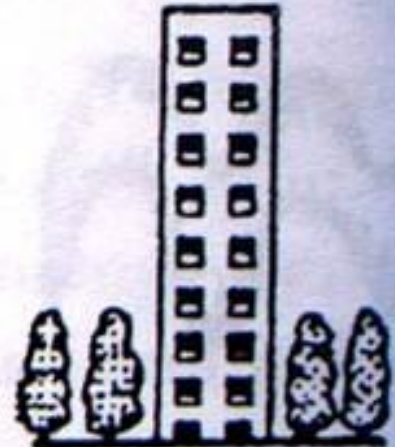
- **Hành là một khái niệm có tính khái quát cao (phạm trù)**
- **Hành bao gồm một chùm các yếu tố cùng bản chất, luôn vận động**
- **Khả năng giải thích tự nhiên có tính biện chứng**

TƯỢNG HÀNH THỦY



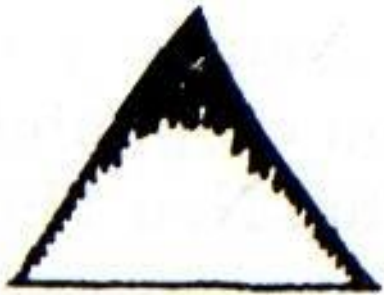
Chân núi và đỉnh núi uốn lượn như sóng biển là núi THỦY (Thủy sơn)

TƯỢNG HÀNH MỘC



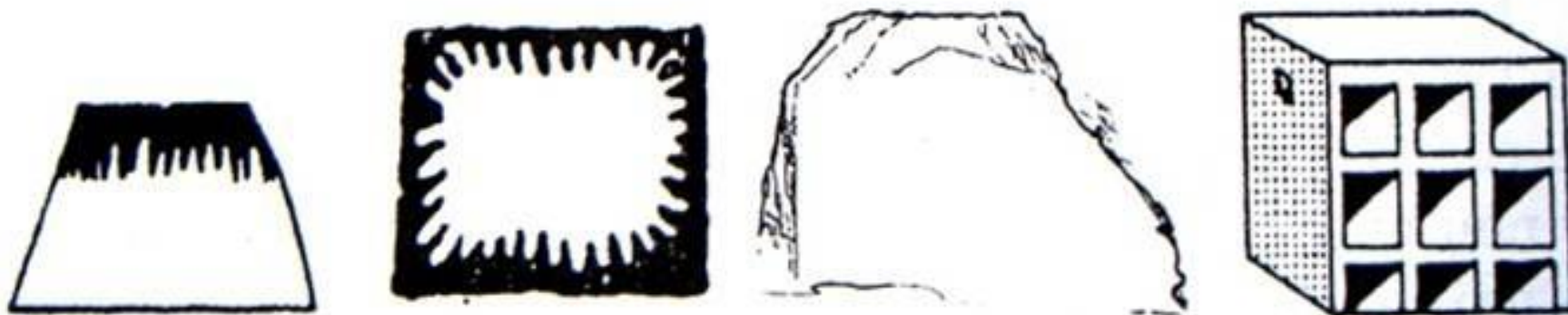
Núi cân, thẳng cao như cột tròn là núi MỘC (Mộc sơn)

TƯỢNG HÀNH HỎA



Đỉnh núi nhọn thế núi cao gọi là núi HỎA (hỏa sơn). Nhà ở gian giữa cao, hai gian bên thấp hoặc một gian phụ đằng trước, một gian phụ đằng sau gọi là nhà Hỏa (HỎA TRẠCH).

TƯỢNG HÀNH THỔ



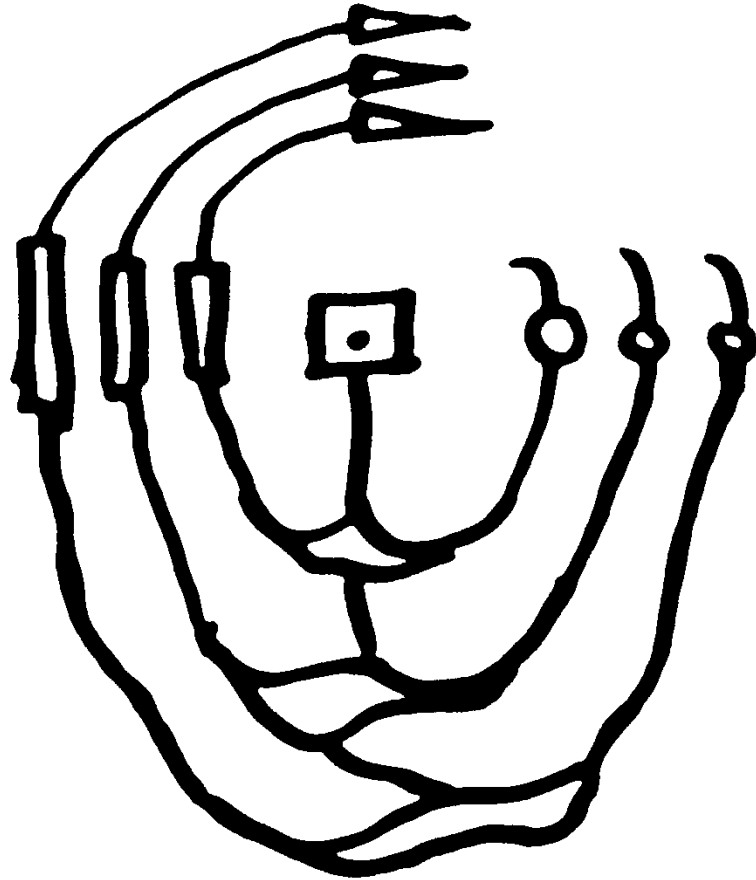
Núi vuông vắn đầy đặn, cao to lớn gọi là THỔ (Thổ sơn). Nhà có các gian chính bằng nhau đều là nhà hình THỔ (Thổ trạch).

TƯỢNG HÀNH KIM

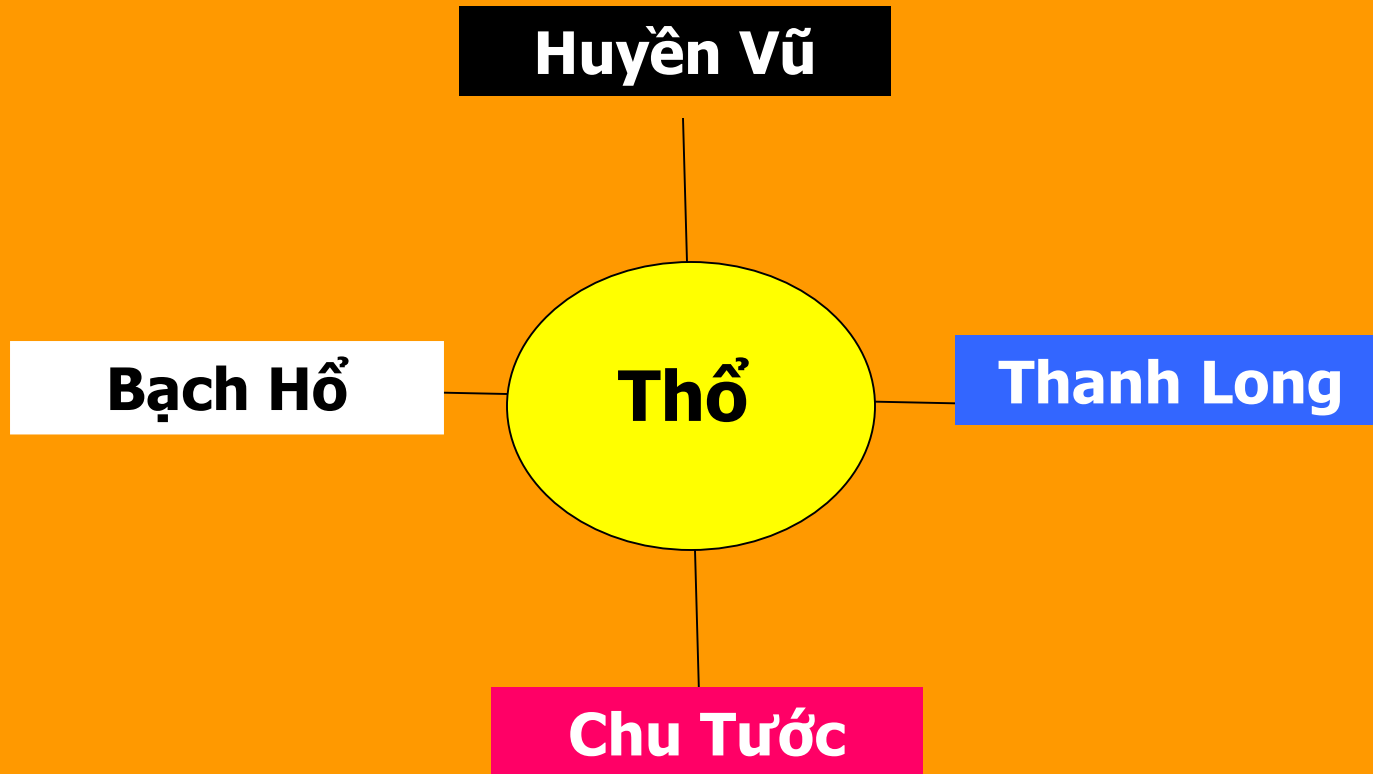


Đỉnh núi tròn, thân hình mâm xôi là núi hình KIM (Kim sơn)

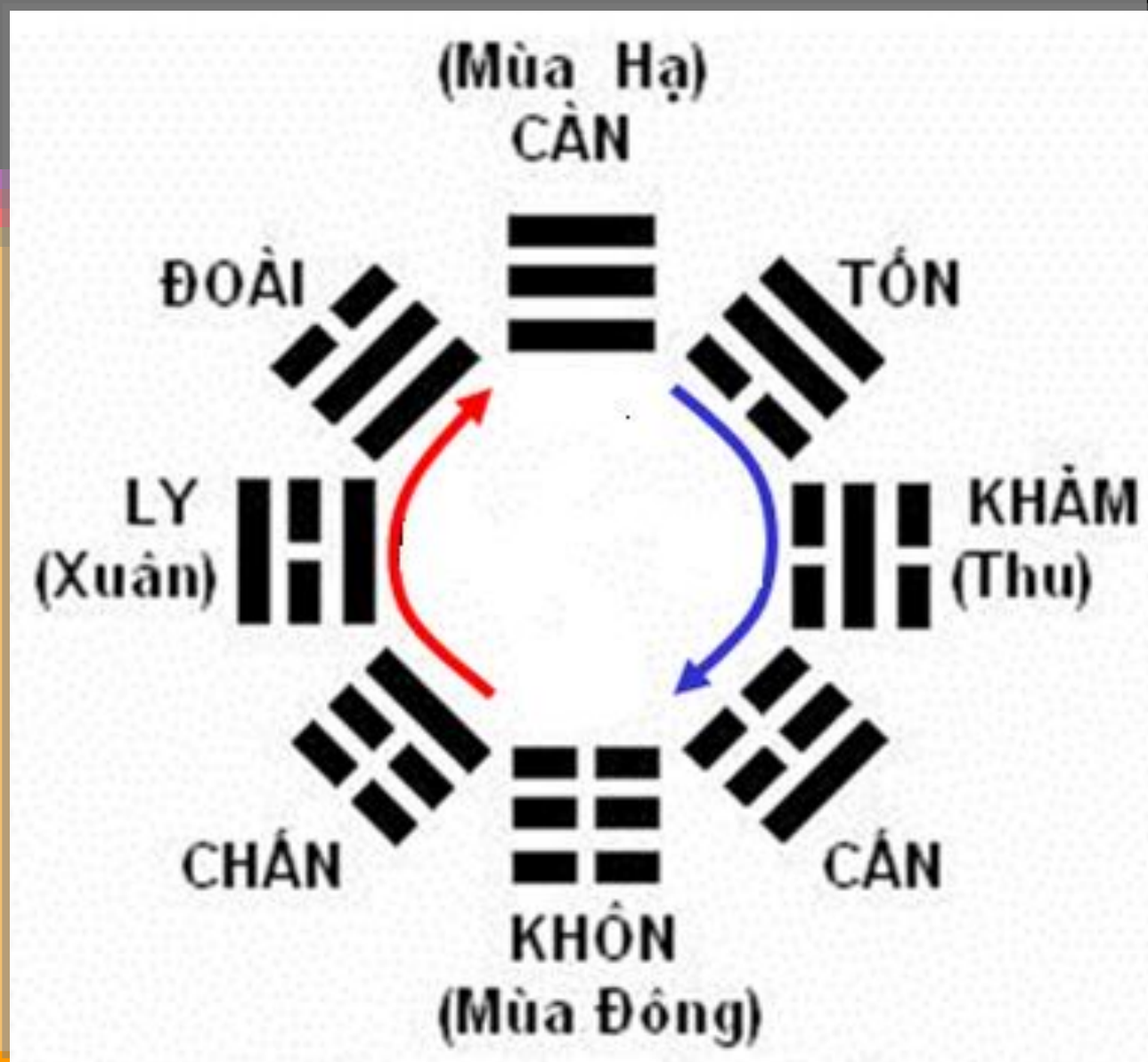
Thế đất hội đủ Ngũ Hành



Các chòm sao theo Ngũ Hành

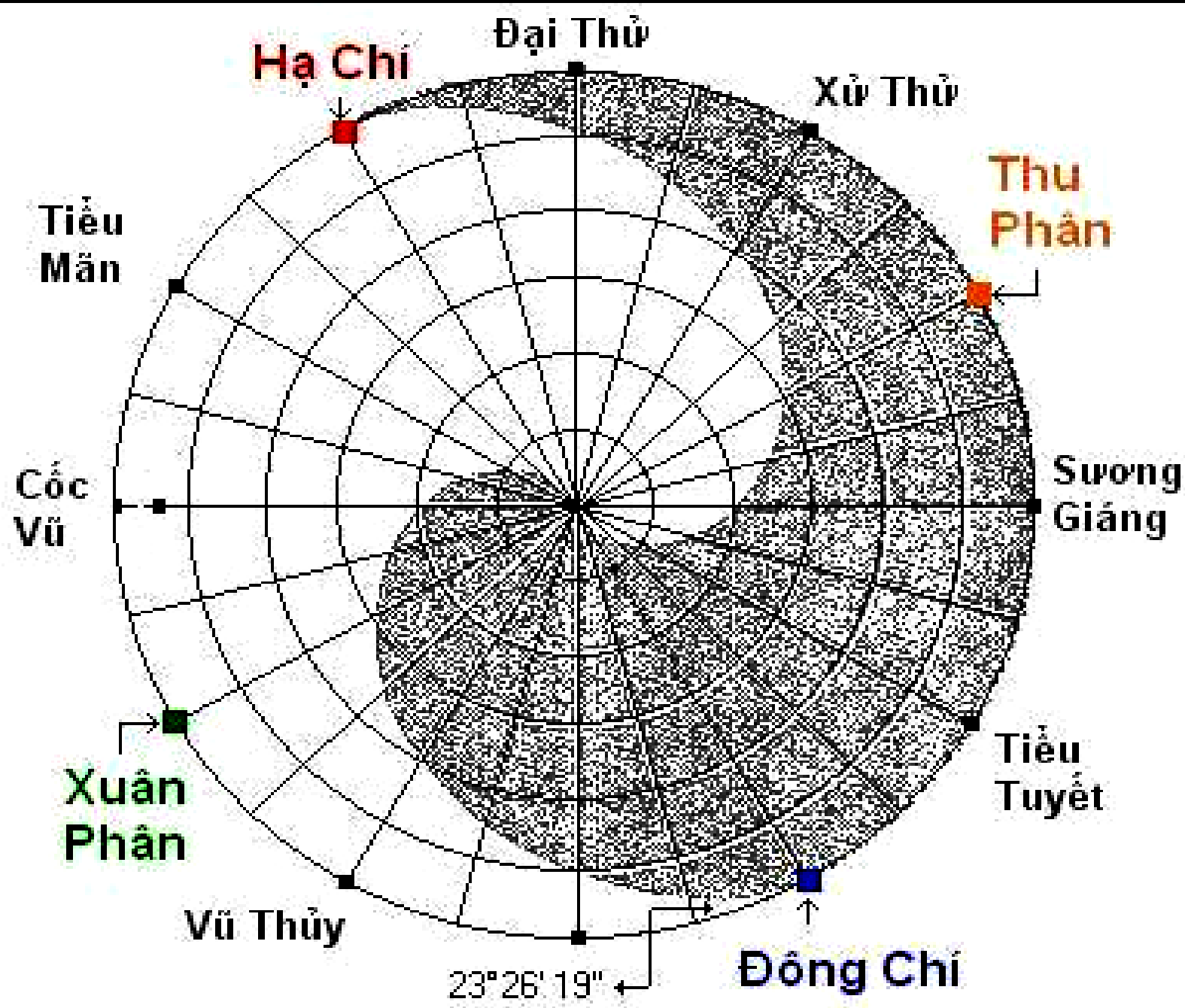


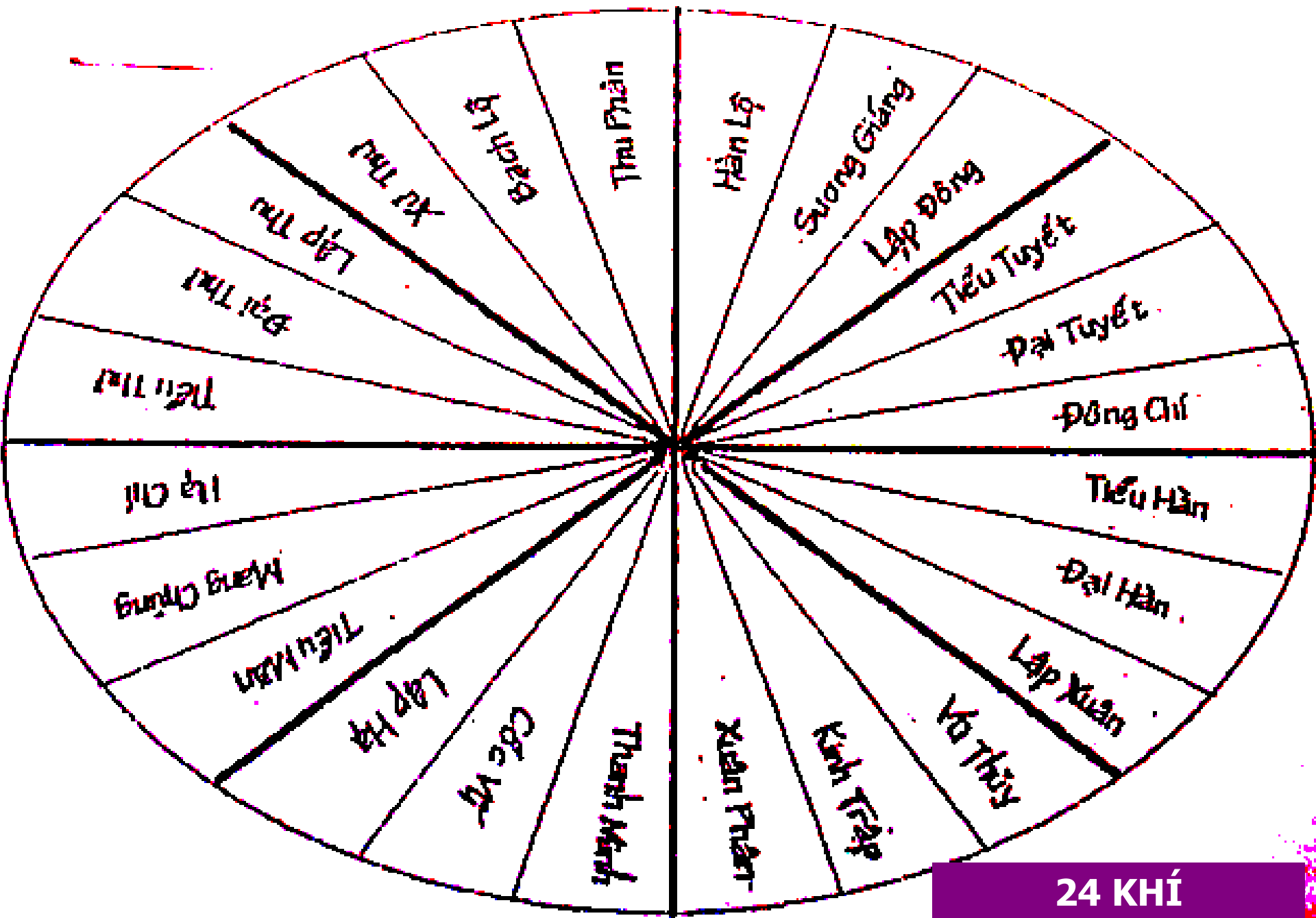
CƠ SỞ HÌNH THÀNH BÁT QUÁI TIÊN THIÊN



BÁT QUÁI TIÊN THIÊN PHẢN ÁNH KHÍ HẬU







24 KHÍ

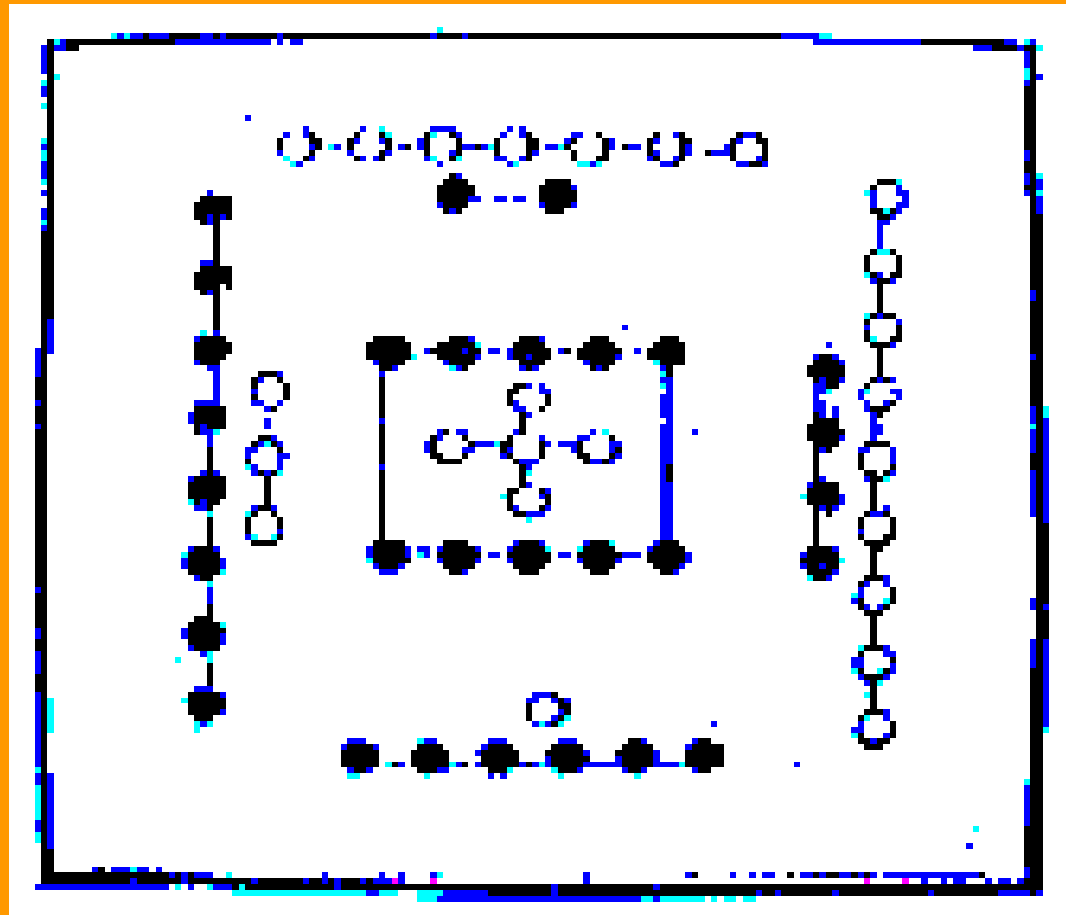


24 tiết

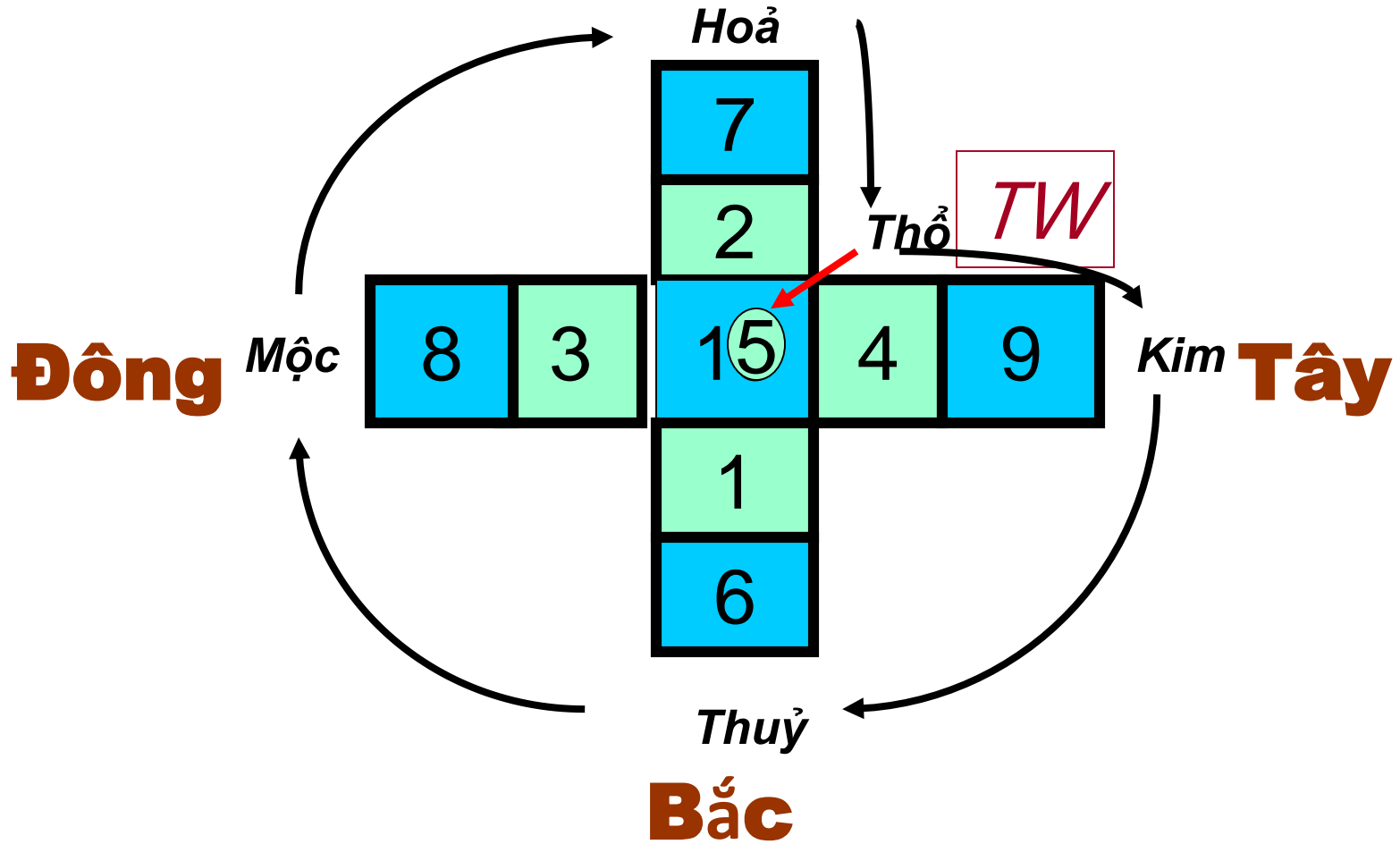
4/02	315 ⁰	Lập xuân (đầu xuân)	20/02	330 ⁰	Vũ thủy (ẩm ướt)
6/03	345 ⁰	Kinh trập (sâu nở)	21/03	0 ⁰	Xuân phân (giữa xuân)
3/04	15 ⁰	Thanh minh (trong sáng)	21/04	30 ⁰	Cốc vũ (mưa rào)
6/05	45 ⁰	Lập hạ (đầu hè)	22/05	60 ⁰	Tiểu mãn (lúa xanh)
6/06	75 ⁰	Mang chủng (lúa trổ)	22/06	90 ⁰	Hạ chí (giữa hè)
8/07	105 ⁰	Tiểu thử (nắng vừa)	23/07	120 ⁰	Đại thử (nắng to)
8/08	135 ⁰	Lập thu (đầu thu)	24/08	150 ⁰	Xử thử (mưa ngâu)
8/09	165 ⁰	Bạch lộ (nắng yếu)	23/09	180 ⁰	Thu phân (giữa thu)
8/10	195 ⁰	Hàn lộ (mát mẻ)	24/10	210 ⁰	Sương giáng
8/11	225 ⁰	Lập đông (đầu đông)	23/11	240 ⁰	Tiểu tuyết (tuyết nhẹ)
8/12	255 ⁰	Đại tuyết (tuyết nhiều)	22/12	270 ⁰	Đông chí (giữa đông)
6/01	285 ⁰	Tiểu hàn (chớm lạnh)	21/01	310 ⁰	Đại hàn (lạnh giá)

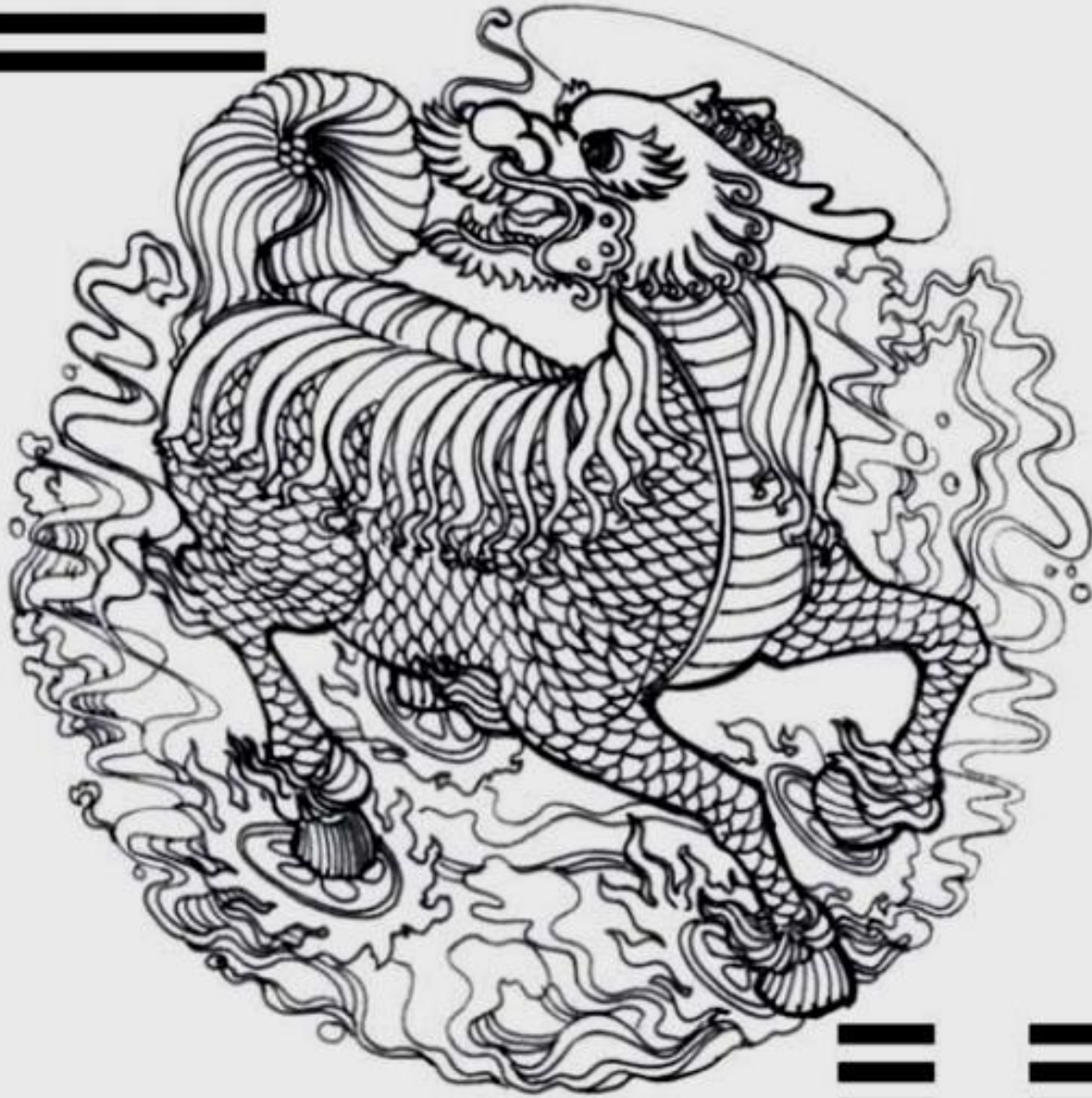
CƠ SỞ HÌNH THÀNH HÀ ĐỒ

(Mô hình không gian và thời gian)



Nam





HÌNH TƯỢNG LONG MÃ CỦA HÀ ĐỒ





Bí ẩn Hà Đồ

- Số trong Hà Đồ

Hà Đồ có 10 số, được biểu thị bằng những chấm tròn màu đen và màu trắng; phân bố thành 2 vòng: vòng trong từ 1 đến 5, vòng ngoài từ 6 đến 10.

Hình chấm trắng ghi số lẻ, thuộc dương; chấm đen ghi số chẵn, thuộc âm.

Số dương có 5 số: 1,3,5,7,9.

Số âm có 5 số: 2,4,6,8,10

Số đất trời: Số dương là số trời, số âm là số đất. Số trời hợp với số đất thành ra có sự biến hoá: Trời 1 sinh Thủy, đất 6 thành nước. Đất 2 sinh Hoả, trời 7 thành lửa...

Số sinh thành: Những số ở vòng trong (gồm: 1,2,3,4,5) là số sinh. Trong 5 số đó có 3 số trời (1,3,5) và 2 số đất (2,4). Tất cả những số khác đều lấy 3 số trời và 2 số đất làm số cơ bản để suy tính ("Tham thiên lưỡng địa nhi ỷ số" tức là: "Nhân trời với ba, chia đất với hai mà dựa vào số"). Những con số ở vòng ngoài (gồm: 6,7,8,9,10) là số thành. Trong đó: 6 là số thành của 1 (vì $1 + 5 = 6$), 7 là số thành của 2 (vì $2 + 5 = 7$),... Tất cả những con số ngoài số 5 là số thành hay số suy diễn.

- Vũ trụ trong Hà Đồ

Hà Đồ ứng với Ngũ phương, Ngũ Hành, Ngũ tinh. 10 số Hà Đồ ứng với Ngũ phương, Ngũ Hành:

Số 1 và 6 ứng với phương Bắc, hành Thủy.

Số 2 và 7 ứng với phương Nam, hành Hỏa.

Số 3 và 8 ứng với phương Đông, hành Mộc.

Số 4 và 9 ứng với phương Tây, hành Kim.

Số 5 và 10 ứng với trung tâm, hành Thổ.

Ngũ Hành trong Hà Đồ có quan hệ tương sinh.

- Sao thiên văn trong Hà Đồ

Hà Đồ là mô hình thiên văn.

Trong ngày

giờ thứ 1 (Tý) và giờ thứ 6 (Ty) sao Thủy xuất hiện ở phương Bắc.

giờ thứ 2 (Sửu) và giờ thứ 7 (Ngọ) sao Hỏa xuất hiện ở phương Nam.

giờ thứ 3 (Dần) và giờ thứ 8 (Mùi) sao Mộc xuất hiện ở phương Đông.

giờ thứ 4 (Mão) và giờ thứ 9 (Thân) sao Kim xuất hiện ở phương Tây.

giờ thứ 5 (Thìn) và giờ thứ 10 (Dậu) sao Thổ xuất hiện ở giữa trời.

Trong tháng

ngày 1 và 6 (các ngày 1,6,11,16,21,26) mặt trời, mặt trăng gặp sao Thủy ở phương Bắc.

ngày 2 và 7 (các ngày 2,7,12,17,22,27) mặt trời, mặt trăng gặp sao Hỏa ở phương Nam.

ngày 3 và 8 (các ngày 3,8,13,18,23,28) mặt trời, mặt trăng gặp sao Mộc ở phương Đông

ngày 4 và 9 (các ngày 4,9,14,19,24,29) mặt trời, mặt trăng gặp sao Kim ở phương Tây.

ngày 5 và 10 (các ngày 5,10,15,20,25,30) mặt trời, mặt trăng gặp sao Thổ ở giữa trời.

Trong năm

**tháng 11 (sau tiết Đông chí) sao Thủy
thấy ở phương Bắc.**

**tháng 7 (sau tiết Hạ chí) sao Hoả
thấy ở phương Nam.**

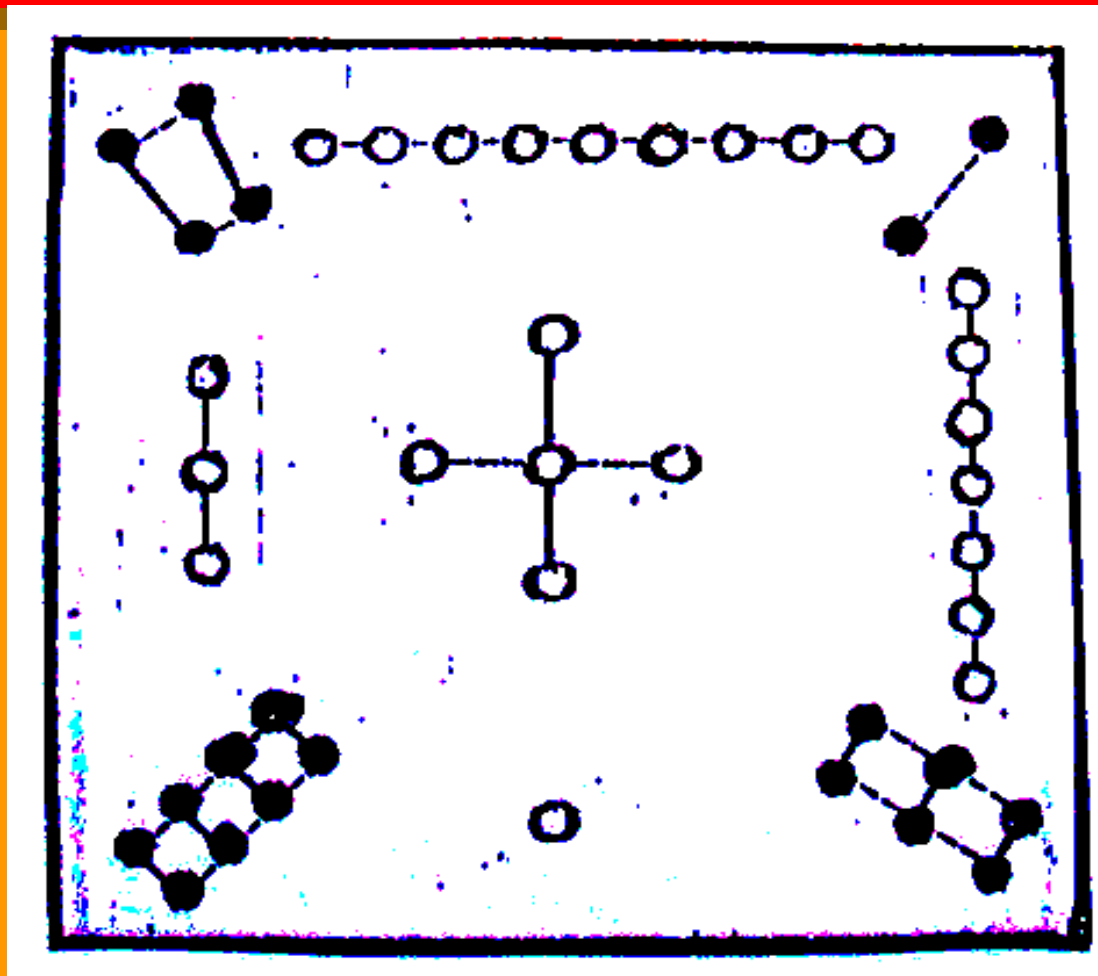
**tháng 3 (tiết Xuân phân) sao Mộc
thấy ở phương Đông.**

**tháng 9 (tiết Thu phân) sao Kim
thấy ở phương Tây.**

tháng 5 sao Thổ thấy ở giữa trời.

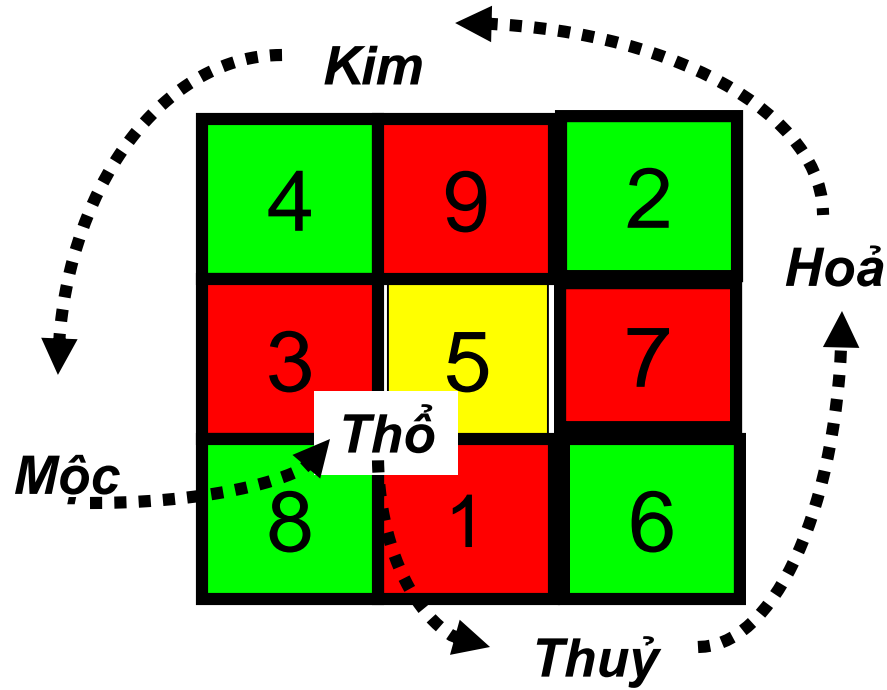
CƠ SỞ HÌNH THÀNH LẠC THƯ

(Mô hình không gian và thời gian)



Nam

Đông



Tây

Bắc



BIỂU TƯỢNG RỪA CỦA LẠC THU

Bí ẩn Lạc Thư

- Số trong Lạc Thư

Lạc Thư có 9 số (từ 1 đến 9); phân bố trên hình vuông: các số lẻ (1,3,5,7,9) nằm trên chữ thập, các số chẵn (2,4,6,8) nằm ở 4 góc.

[Theo tượng rùa thì đầu đội 9, đuôi đạp 1, lưng cõng 5, bên trái 3, bên phải 7, ...]

Cách biểu thị các con số bằng chấm trắng, chấm đen thể hiện bản chất âm dương giống Hà Đồ.

Sự sắp xếp các con số trong Lạc Thư là tổ của phương trận. Nguyên tắc cân bằng âm dương là cơ sở của phương trận trong Lạc Thư.

- Vũ trụ trong Lạc Thư

Vị trí 9 con số trong Lạc Thư ứng với 9 phương vị của 9 chòm sao: Bắc Cực (Bắc), Thiên Kỳ (Nam), Hà Bắc (Đông), Thất Công (Tây), Ngũ Đế Toà (TW), Hổ Bôn (Tây Nam), Tứ Phụ (Đông Nam), Hoa Cái (Đông Bắc), Thiên Trù (Tây Bắc).

2.2. Nhận thức phi thực nghiệm

2.2.1. Không gian phi vật lý/ không gian thiêng trong mô hình Tam Tài

Không gian phi vật lý/ không gian thiêng trong mô hình Ngũ Hành

Không gian phi vật lý/ không gian thiêng trong mô hình Bát quái Hậu thiên

CƠ SỞ HÌNH THÀNH “TAM THỂ GIỚI”

THIÊN ĐÀNG

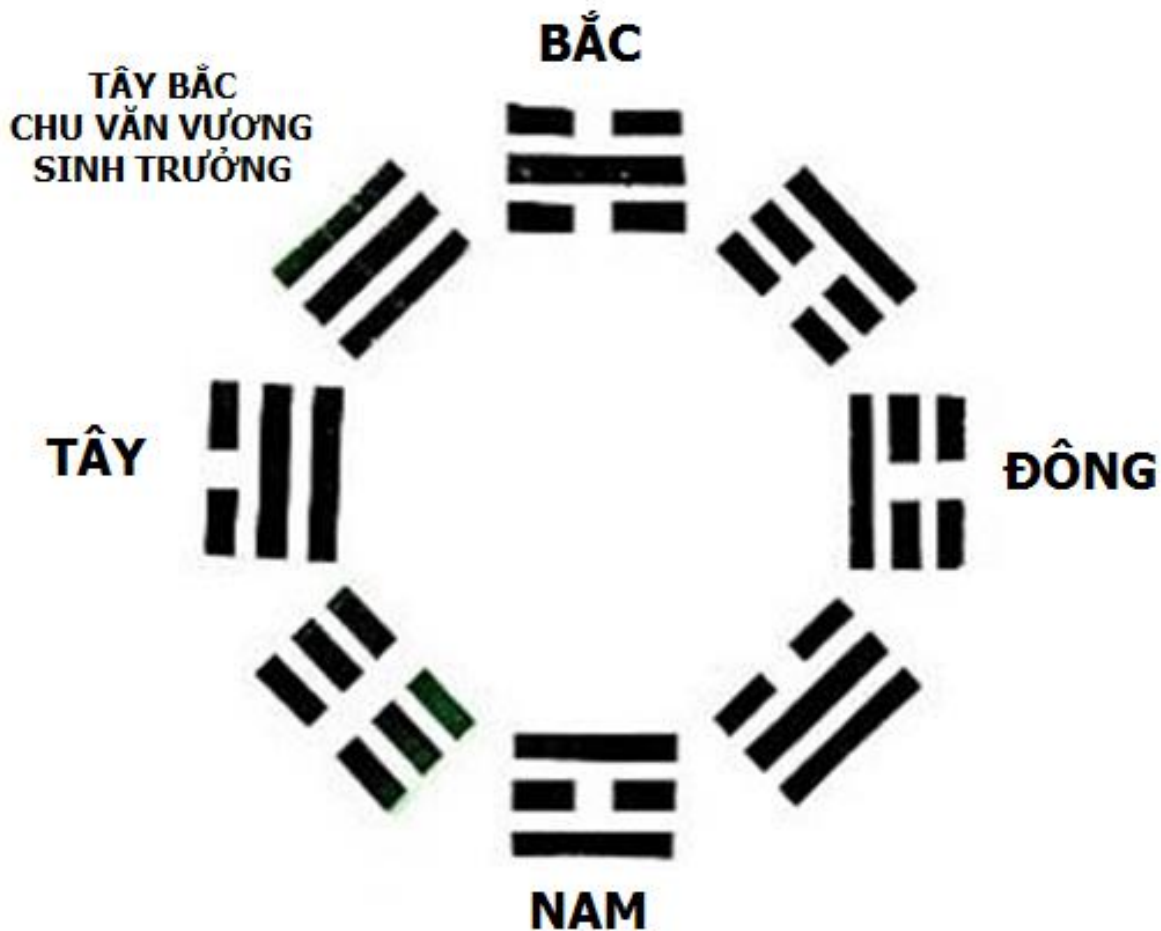
MA QUỶ

ĐỊA NGỤC

CƠ SỞ HÌNH THÀNH THẦN LINH NGŨ PHƯƠNG

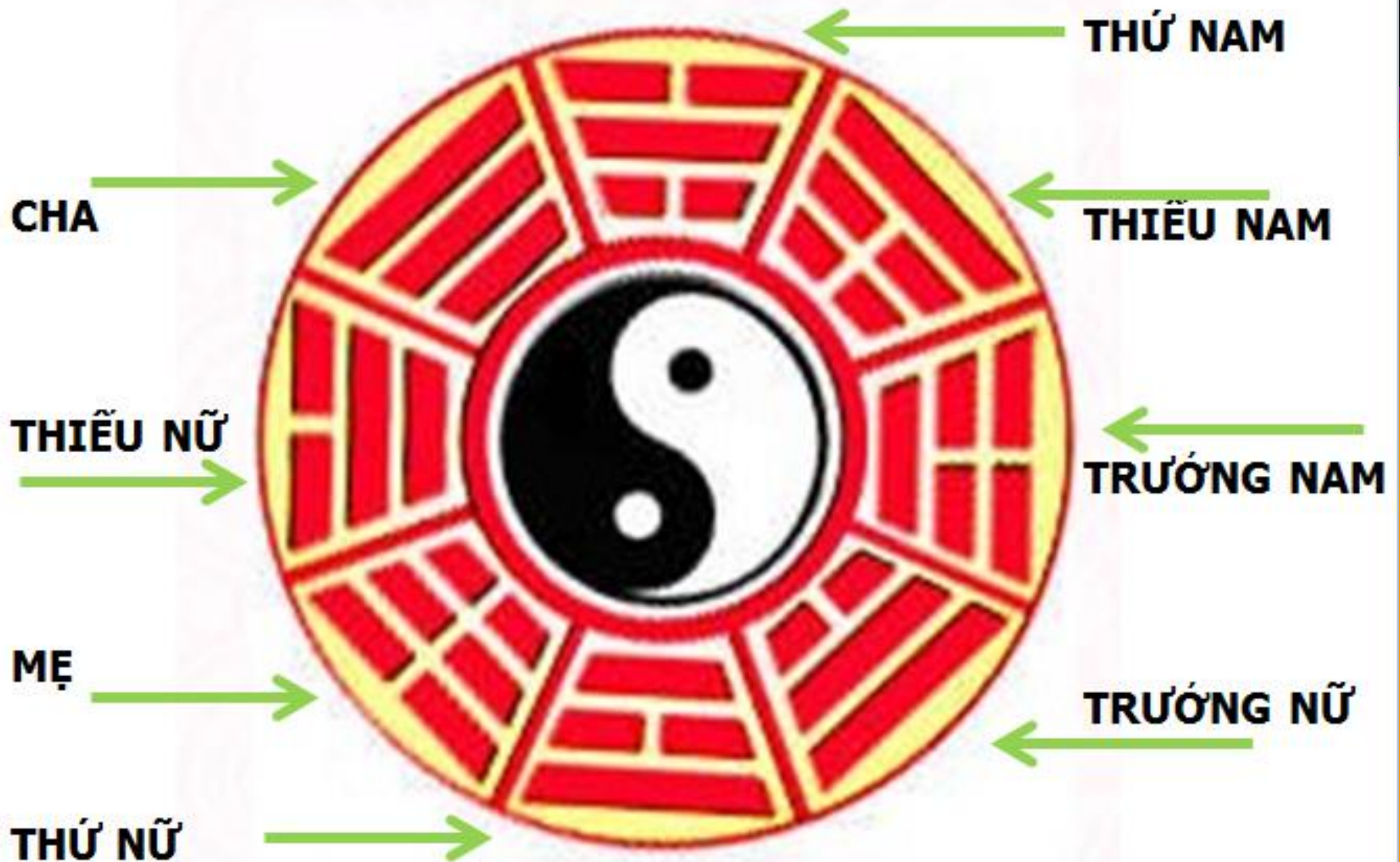
NGŨ HỔ, NGŨ HÀNH NƯƠNG NƯƠNG,
NGŨ PHƯƠNG CHI THẦN, NGŨ LỘ CHI
THẦN

CƠ SỞ HÌNH THÀNH BÁT QUÁI HẬU THIÊN, THUYẾT THIÊN MỆNH



BÁT QUÁI HẬU THIÊN ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG

BÁT QUÁI HẬU THIÊN



HẾT PHẦN 1